

TỔNG CỤC THUẾ

**TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN KÊ KHAI THUẾ
QUYẾT TOÁN THUẾ
THU NHẬP CÁ NHÂN**

Hà Nội, 2/2012

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: **02/KK-BH**
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 28/2011/TT-BTC ngày
28/02/2011 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN
(Dành cho cơ sở giao đại lý bảo hiểm trả thu nhập cho đại lý bảo hiểm)

[01] Kỳ tính thuế: Năm.....

[02] Lần đầu: ☐

[03] Bổ sung lần thứ: ☐

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế:

[06] Địa chỉ:

[07] Quận/huyện: [08] Tỉnh/thành phố:

[09] Điện thoại:.....[10] Fax:.....[11] Email:

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[13] Mã số thuế:

[14] Địa chỉ:

[15] Quận/huyện: [16] Tỉnh/thành phố:

[17] Điện thoại: [18] Fax: [19] Email:

[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số:Ngày:.....

Stt	Chỉ tiêu		Đơn vị tính	Số lượng/ Số tiền
1	Tổng số đại lý bảo hiểm trong kỳ	[21]	Người	
2	Tổng thu nhập trả cho đại lý bảo hiểm trong kỳ	[22]	VNĐ	
3	Tổng số đại lý bảo hiểm thuộc diện khấu trừ thuế trong kỳ	[23]	Người	
4	Tổng thu nhập trả cho đại lý bảo hiểm thuộc diện khấu trừ	[24]	VNĐ	
5	Tổng số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ	[25]	VNĐ	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

Ngàythángnăm

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:
Chứng chỉ hành nghề số:.....

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

HƯỚNG DẪN KHAI TỜ KHAI SỐ 02/KK-BH
Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28/02/2011 của
Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế,
hướng dẫn thi hành Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 và Nghị
định số 106/2010/NĐ-CP ngày 28/10/2010 của Chính phủ.

-
- [01] **Kỳ tính thuế:** Ghi theo năm của kỳ thực hiện khai thuế.
- [02] **Lần đầu:** Nếu khai quyết toán thuế lần đầu thì đánh dấu (x) vào ô vuông.
- [03] **Bổ sung lần thứ:** Nếu khai sau lần đầu thì được xác định là khai bổ sung và đánh số lần khai bổ sung vào ô vuông.
- [04] **Tên người nộp thuế:** Ghi rõ ràng, đầy đủ tên của Cơ sở giao đại lý bảo hiểm theo Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Đối với Cơ sở giao đại lý bảo hiểm là cá nhân là tên ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Chứng minh nhân dân.
- [05] **Mã số thuế:** Ghi rõ ràng, đầy đủ mã số thuế của Cơ sở giao đại lý bảo hiểm theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế hoặc Thẻ mã số thuế do cơ quan thuế cấp.
- [06], [07], [08]: Ghi rõ ràng, đầy đủ địa chỉ trụ sở của Cơ sở giao đại lý bảo hiểm theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hoặc địa chỉ thường trú (đối với cá nhân) đã đăng ký với cơ quan thuế.
- [09], [10], [11]: Ghi rõ ràng, đầy đủ số điện thoại, số fax, địa chỉ email của Cơ sở giao đại lý bảo hiểm (nếu không có thì bỏ trống).
- [12] **Tên đại lý thuế (nếu có):** Trường hợp Cơ sở giao đại lý bảo hiểm uỷ quyền khai quyết toán thuế cho Đại lý thuế thì phải ghi rõ ràng, đầy đủ tên của Đại lý thuế theo Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Đại lý thuế.
- [13] **Mã số thuế:** Ghi rõ ràng, đầy đủ mã số thuế của Đại lý thuế theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế hoặc thẻ mã số thuế do cơ quan thuế cấp.
- [14], [15], [16]: Ghi rõ ràng, đầy đủ địa chỉ trụ sở của Đại lý thuế theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hoặc địa chỉ thường trú (đối với cá nhân) đã đăng ký với cơ quan thuế.

- [17], [18], [19] Ghi rõ ràng, đầy đủ số điện thoại, số fax, địa chỉ email của Đại lý thuế (nếu không có thì bỏ trống).
- [20] **Hợp đồng đại lý thuế:** Ghi rõ ràng, đầy đủ số, ngày của Hợp đồng đại lý thuế giữa Cơ sở giao đại lý bảo hiểm ký với Đại lý thuế (hợp đồng đang thực hiện).
- [21] **Tổng số đại lý bảo hiểm trong kỳ:** Là tổng số đại lý bảo hiểm được trả thu nhập trong kỳ. Chỉ tiêu này bằng tổng số Đại lý bảo hiểm trong kỳ tại chỉ tiêu [06] Phụ lục 02/BK-BH.
- [22] **Tổng thu nhập trả cho đại lý bảo hiểm trong kỳ:** Là tổng các khoản mà Cơ sở giao đại lý bảo hiểm đã trả cho các Đại lý bảo hiểm trong kỳ bao gồm: hoa hồng đại lý, các khoản thưởng dưới các hình thức, các khoản hỗ trợ dưới các hình thức, các khoản chi trả khác. Chỉ tiêu này bằng chỉ tiêu [14] Phụ lục 02/BK-BH.
- [23] **Tổng số đại lý bảo hiểm thuộc diện khấu trừ thuế trong kỳ:** Là tổng số Đại lý bảo hiểm có thu nhập đến mức khấu trừ thuế. Chỉ tiêu này bằng tổng số dòng tại chỉ tiêu [13] Phụ lục 02/BK-BH > 0.
- [24] **Tổng thu nhập trả cho đại lý bảo hiểm thuộc diện khấu trừ:** Là tổng các khoản mà Cơ sở giao đại lý bảo hiểm đã trả cho các Đại lý bảo hiểm thuộc diện khấu trừ. Chỉ tiêu này bằng tổng giá trị các dòng tại chỉ tiêu [10] Phụ lục 02/BK-BH ứng với chỉ tiêu [13] Phụ lục 02/BK-BH > 0.
- [25] **Tổng số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ:** Là tổng số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ của các Đại lý bảo hiểm. Chỉ tiêu này bằng chỉ tiêu [17] Phụ lục 02/BK-BH.

PHỤ LỤC
BẢNG KÊ THU NHẬP CHỊU THUẾ VÀ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN
ĐÃ KHẤU TRỪ ĐỐI VỚI THU NHẬP CỦA ĐẠI LÝ BẢO HIỂM
(Kèm theo Tờ khai tổng hợp thuế thu nhập cá nhân mẫu số 02/KK-BH)

[01] Kỳ tính thuế: Năm.....

[02] Tên người nộp thuế:

[03] Mã số thuế:

[04] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[05] Mã số thuế:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Stt	Họ và tên đại lý	Mã số thuế	Số CMND/Hộ chiếu	Thu nhập chịu thuế	Thu nhập làm căn cứ tính giảm thuế	Số thuế được giảm	Số thuế đã khấu trừ
[06]	[07]	[08]	[09]	[10]	[11]	[12]	[13]
1							
2							
...							
Tổng				[14]	[15]	[16]	[17]

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:.....

Ngàythángnăm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

HƯỚNG DẪN KHAI TỜ KHAI SỐ 02/BK-BH

Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế, hướng dẫn thi hành Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 và Nghị định số 106/2010/NĐ-CP ngày 28/10/2010 của Chính phủ.

- [01] **Kỳ tính thuế:** Ghi theo năm của kỳ thực hiện khai thuế.
- [02] **Tên người nộp thuế:** Ghi rõ ràng, đầy đủ tên của Cơ sở giao đại lý bảo hiểm theo Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Đối với Cơ sở giao đại lý bảo hiểm là cá nhân thì tên ghi theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Chứng minh nhân dân.
- [03] **Mã số thuế:** Ghi rõ ràng, đầy đủ mã số thuế của Cơ sở giao đại lý bảo hiểm theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế hoặc Thẻ mã số thuế do cơ quan thuế cấp.
- [04] **Tên đại lý thuế (nếu có):** Trường hợp Cơ sở giao đại lý bảo hiểm uỷ quyền khai quyết toán thuế cho Đại lý thuế thì phải ghi rõ ràng, đầy đủ tên của Đại lý thuế theo Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Đại lý thuế.
- [05] **Mã số thuế:** Ghi rõ ràng, đầy đủ mã số thuế của Đại lý thuế theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế hoặc thẻ mã số thuế do cơ quan thuế cấp.
- [06] **Stt:** Ghi rõ số thứ tự từ nhỏ đến lớn của đại lý bảo hiểm.
- [07] **Họ và tên đại lý:** Họ và tên cá nhân là Đại lý bảo hiểm bao gồm cả đại lý có thu nhập chưa đến mức khấu trừ thuế và đại lý đã thôi việc tính đến thời điểm lập tờ khai.
- [08] **Mã số thuế:** Ghi rõ ràng, đầy đủ mã số thuế của cá nhân là Đại lý bảo hiểm theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế hoặc thẻ mã số thuế do cơ quan thuế cấp.
- [09] **Số CMND/Hộ chiếu:** Đối với Đại lý bảo hiểm chưa có mã số thuế thì ghi số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu.
- [10] **Thu nhập chịu thuế:** Là tổng các khoản thu nhập mà từng Đại lý bảo hiểm nhận được trong kỳ bao gồm: hoa hồng đại lý, các khoản được thưởng dưới các hình thức, các khoản được hỗ trợ dưới các hình thức và các khoản nhận được khác từ cơ sở giao đại lý bảo hiểm.
- [11] **Thu nhập làm căn cứ tính giảm thuế:** Là thu nhập chịu thuế của Đại lý bảo hiểm làm việc trong khu kinh tế.
- [12] **Số thuế được giảm:** Là số thuế được giảm trong kỳ của đại lý bảo hiểm làm việc trong khu kinh tế. Chỉ tiêu này = $\{([10] \times 5\%) \times ([11] / [10])\} \times 50\%$.

- [13] **Số thuế đã khấu trừ:** Là tổng số thuế đã khấu trừ trong kỳ của từng Đại lý bảo hiểm.
- [14] **Tổng cộng Thu nhập chịu thuế:** Là tổng thu nhập chịu thuế mà Cơ sở giao đại lý bảo hiểm đã trả cho các Đại lý bảo hiểm trong kỳ. Chỉ tiêu này bằng tổng cộng cột chỉ tiêu [10].
- [15] **Tổng cộng thu nhập làm căn cứ tính giảm thuế:** Là tổng thu nhập do làm việc trong khu kinh tế được giảm thuế của các Đại lý bảo hiểm trong kỳ. Chỉ tiêu này bằng tổng cộng cột chỉ tiêu [11].
- [16] **Tổng cộng số thuế được giảm:** Là tổng số thuế được giảm của các Đại lý bảo hiểm do làm việc trong khu kinh tế. Chỉ tiêu này bằng tổng cộng cột chỉ tiêu [12].
- [17] **Tổng cộng số thuế đã khấu trừ:** Là tổng số thuế đã khấu trừ trong kỳ của các Đại lý bảo hiểm. Chỉ tiêu này bằng tổng cộng cột chỉ tiêu [13].

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: **02/KK-XS**
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 28/2011/TT-BTC ngày
28/02/2011 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN
(Dành cho cơ sở giao đại lý xử lý trả thu nhập cho đại lý xử lý)

[01] Kỳ tính thuế: Năm.....

[02] Lần đầu:

[03] Bổ sung lần thứ

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế:

[06] Địa chỉ:

[07] Quận/huyện: [08] Tỉnh/thành phố:

[09] Điện thoại: [10] Fax: [11] Email:

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[13] Mã số thuế:

[14] Địa chỉ:

[15] Quận/huyện: [16] Tỉnh/thành phố:

[17] Điện thoại: [18] Fax: [19] Email:

[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số: Ngày:.....

Stt	Chỉ tiêu		ĐVT	Số lượng/ Số tiền
1	Tổng số đại lý xử lý trong kỳ	[21]	Người	
2	Tổng thu nhập trả cho đại lý xử lý trong kỳ	[22]	VNĐ	
3	Tổng số đại lý xử lý thuộc diện khấu trừ 5% thuế thu nhập cá nhân	[23]	Người	
4	Tổng thu nhập trả cho đại lý xử lý thuộc diện khấu trừ 5% thuế thu nhập cá nhân	[24]	VNĐ	
5	Tổng số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ	[25]	VNĐ	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:

Ngàythángnăm
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

HƯỚNG DẪN KHAI TỜ KHAI SỐ 02/KK-XS

Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế, hướng dẫn thi hành Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 và Nghị định số 106/2010/NĐ-CP ngày 28/10/2010 của Chính phủ.

- [01] **Kỳ tính thuế:** Ghi theo năm của kỳ thực hiện khai thuế.
- [02] **Lần đầu:** Nếu khai quyết toán thuế lần đầu thì đánh dấu (x) vào ô vuông.
- [03] **Bổ sung lần thứ:** Nếu khai sau lần đầu thì được xác định là khai bổ sung và đánh số lần khai bổ sung vào ô vuông.
- [04] **Tên người nộp thuế:** Ghi rõ ràng, đầy đủ tên của Cơ sở giao đại lý xổ số theo Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Đối với Cơ sở giao đại lý xổ số là cá nhân là tên ghi trong Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Chứng minh nhân dân.
- [05] **Mã số thuế:** Ghi rõ ràng, đầy đủ mã số thuế của Cơ sở giao đại lý xổ số theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế hoặc Thẻ mã số thuế do cơ quan thuế cấp.
- [06], [07], [08]: Ghi rõ ràng, đầy đủ địa chỉ trụ sở của Cơ sở giao đại lý xổ số theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hoặc địa chỉ thường trú (đối với cá nhân) đã đăng ký với cơ quan thuế.
- [09], [10], [11]: Ghi rõ ràng, đầy đủ số điện thoại, số fax, địa chỉ email của Cơ sở giao đại lý xổ số (nếu không có thì bỏ trống).
- [12] **Tên đại lý thuế (nếu có):** Trường hợp Cơ sở giao đại lý xổ số uỷ quyền khai quyết toán thuế cho Đại lý thuế thì phải ghi rõ ràng, đầy đủ tên của Đại lý thuế theo Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Đại lý thuế.
- [13] **Mã số thuế:** Ghi rõ ràng, đầy đủ mã số thuế của Đại lý thuế theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế hoặc thẻ mã số thuế do cơ quan thuế cấp.
- [14], [15], [16]: Ghi rõ ràng, đầy đủ địa chỉ trụ sở của Đại lý thuế theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hoặc địa chỉ thường trú (đối với cá nhân) đã đăng ký với cơ quan thuế.
- [17], [18], [19] Ghi rõ ràng, đầy đủ số điện thoại, số fax, địa chỉ email của Đại lý thuế (nếu không có thì bỏ trống).

- [20] **Hợp đồng đại lý thuế:** Ghi rõ ràng, đầy đủ số, ngày của Hợp đồng đại lý thuế giữa Cơ sở giao đại lý xổ số ký với Đại lý thuế (hợp đồng đang thực hiện).
- [21] **Tổng số đại lý xổ số trong kỳ:** là tổng số đại lý xổ số được trả thu nhập trong kỳ. Chỉ tiêu này bằng tổng số Đại lý xổ số trong kỳ tại chỉ tiêu [06] Phụ lục 02/BK-XS.
- [22] **Tổng thu nhập trả cho đại lý xổ số trong kỳ:** là tổng các khoản mà Cơ sở giao đại lý xổ số đã trả cho các Đại lý xổ số trong kỳ bao gồm: hoa hồng đại lý, các khoản thưởng dưới các hình thức, các khoản hỗ trợ dưới các hình thức, các khoản chi trả khác. Chỉ tiêu này bằng chỉ tiêu [14] Phụ lục 02/BK-XS.
- [23] **Tổng số đại lý xổ số thuộc diện khấu trừ 5% thuế thu nhập cá nhân:** là tổng số Đại lý xổ số có thu nhập đến mức khấu trừ thuế. Chỉ tiêu này bằng tổng số dòng tại chỉ tiêu [13] Phụ lục 02/BK-XS > 0.
- [24] **Tổng thu nhập trả cho đại lý xổ số thuộc diện khấu trừ 5% thuế thu nhập cá nhân:** là tổng các khoản mà Cơ sở giao đại lý xổ số đã trả cho các Đại lý xổ số thuộc diện khấu trừ. Chỉ tiêu này bằng tổng giá trị các dòng tại chỉ tiêu [10] Phụ lục 02/BK-XS ứng với chỉ tiêu [13] Phụ lục 02/BK-XS > 0.
- [25] **Tổng số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ:** là tổng số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ của các Đại lý xổ số. Chỉ tiêu này bằng chỉ tiêu [17] Phụ lục 02/BK-XS.

PHỤ LỤC
BẢNG KÊ THU NHẬP CHỊU THUẾ VÀ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN
ĐÃ KHẤU TRỪ ĐỐI VỚI THU NHẬP CỦA ĐẠI LÝ XỔ SỐ
(Kèm theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu số 02/KK-XS)

[01] Kỳ tính thuế: Năm.....

[02] Tên người nộp thuế:.....

[03] Mã số thuế:

[04] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[05] Mã số thuế:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Stt	Họ và tên đại lý	Mã số thuế	Số CMND/ Hộ chiếu	Thu nhập chịu thuế	Thu nhập làm căn cứ tính giảm thuế	Số thuế được giảm	Số thuế đã khấu trừ
[06]	[07]	[08]	[09]	[10]	[11]	[12]	[13]
1							
2							
...							
Tổng cộng				[14]	[15]	[16]	[17]

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:.....

Ngàythángnăm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

HƯỚNG DẪN KHAI TỜ KHAI SỐ 02/BK-XS

Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế, hướng dẫn thi hành Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 và Nghị định số 106/2010/NĐ-CP ngày 28/10/2010 của Chính phủ.

- [01] **Kỳ tính thuế:** Ghi theo năm của kỳ thực hiện khai thuế.
- [02] **Tên người nộp thuế:** Ghi rõ ràng, đầy đủ tên của Cơ sở giao đại lý xổ số theo Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Đối với Cơ sở giao đại lý xổ số là cá nhân thì tên ghi theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Chứng minh nhân dân.
- [03] **Mã số thuế:** Ghi rõ ràng, đầy đủ mã số thuế của Cơ sở giao đại lý xổ số theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế hoặc Thẻ mã số thuế do cơ quan thuế cấp.
- [04] **Tên đại lý thuế (nếu có):** Trường hợp Cơ sở giao đại lý xổ số uỷ quyền khai quyết toán thuế cho Đại lý thuế thì phải ghi rõ ràng, đầy đủ tên của Đại lý thuế theo Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Đại lý thuế.
- [05] **Mã số thuế:** Ghi rõ ràng, đầy đủ mã số thuế của Đại lý thuế theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế hoặc thẻ mã số thuế do cơ quan thuế cấp.
- [06] **Stt:** ghi rõ số thứ tự từ nhỏ đến lớn.
- [07] **Họ và tên đại lý:** Họ và tên cá nhân là Đại lý xổ số bao gồm cả đại lý có thu nhập chưa đến mức khấu trừ thuế và đại lý đã thôi việc tính đến thời điểm lập tờ khai.
- [08] **Mã số thuế:** Ghi rõ ràng, đầy đủ mã số thuế của cá nhân là Đại lý xổ số theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế hoặc thẻ mã số thuế do cơ quan thuế cấp.
- [09] **Số CMND/ Hộ chiếu:** Đối với Đại lý xổ số chưa có mã số thuế thì ghi số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu.
- [10] **Thu nhập chịu thuế:** là tổng các khoản thu nhập mà từng Đại lý xổ số nhận được trong kỳ bao gồm: hoa hồng đại lý, các khoản được thưởng dưới các hình thức, các khoản được hỗ trợ dưới các hình thức và các khoản nhận được khác từ cơ sở giao đại lý xổ số.
- [11] **Thu nhập làm căn cứ tính giảm thuế:** Là thu nhập chịu thuế của Đại lý xổ số làm việc trong khu kinh tế.

[12] **Số thuế được giảm:** là số thuế được giảm trong kỳ của đại lý xổ số làm việc trong khu kinh tế. Chỉ tiêu này = $\{([10] \times 5\%) \times ([11] / [10])\} \times 50\%$.

[13] **Thuế đã khấu trừ:** Tổng số thuế đã khấu trừ trong kỳ của từng Đại lý xổ số.

[14] **Tổng cộng Thu nhập chịu thuế:** là tổng thu nhập chịu thuế mà Cơ sở giao đại lý xổ số đã trả cho các Đại lý xổ số trong kỳ. Chỉ tiêu này bằng tổng cộng cột chỉ tiêu [10].

[15] **Tổng cộng thu nhập làm căn cứ tính giảm thuế:** là tổng thu nhập được giảm thuế do làm việc trong khu kinh tế của các Đại lý xổ số trong kỳ. Chỉ tiêu này bằng tổng cộng cột chỉ tiêu [11].

[16] **Tổng cộng số thuế được giảm:** là tổng số thuế được giảm của các Đại lý xổ số do làm việc trong khu kinh tế. Chỉ tiêu này bằng tổng cộng cột chỉ tiêu [12].

[17] **Tổng cộng số thuế đã khấu trừ:** là tổng số thuế đã khấu trừ trong kỳ của các Đại lý xổ số. Chỉ tiêu này bằng tổng cộng cột chỉ tiêu [13].

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: **05/KK-TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 28/2011/TT-BTC ngày
28/02/2011 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

*(Dành cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập chịu thuế
từ tiền lương, tiền công cho cá nhân)*

[01] Kỳ tính thuế: Năm.....

[02] Lần đầu: ☐

[03] Bổ sung lần thứ: ☐

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế:

[06] Địa chỉ:

[07] Quận/huyện: [08] Tỉnh/thành phố:

[09] Điện thoại: [10] Fax: [11] Email:

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):

[13] Mã số thuế:

[14] Địa chỉ:

[15] Quận/huyện: [16] Tỉnh/thành phố:

[17] Điện thoại: [18] Fax: [19] Email:

[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số: Ngày:

I. Nghĩa vụ khấu trừ thuế của tổ chức, cá nhân trả thu nhập:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số người/ Số tiền
-----	----------	-----	----------------------

1	Tổng số cá nhân đã khấu trừ thuế	[21]	Người	
1.1	Cá nhân cư trú	[22]	Người	
1.2	Cá nhân không cư trú	[23]	Người	
2	Tổng TNCT trả cho cá nhân	[24]	VNĐ	
2.1	Cá nhân cư trú có hợp đồng lao động	[25]	VNĐ	
2.2	Cá nhân cư trú không có hợp đồng lao động	[26]	VNĐ	
2.3	Cá nhân không cư trú	[27]	VNĐ	
3	Tổng TNCT trả cho cá nhân thuộc diện phải khấu trừ thuế	[28]	VNĐ	
3.1	Cá nhân cư trú có hợp đồng lao động	[29]	VNĐ	
3.2	Cá nhân cư trú không có hợp đồng lao động	[30]	VNĐ	
3.3	Cá nhân không cư trú	[31]	VNĐ	
4	Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ	[32]	VNĐ	
4.1	Cá nhân cư trú có hợp đồng lao động	[33]	VNĐ	
4.2	Cá nhân cư trú không có hợp đồng lao động	[34]	VNĐ	
4.3	Cá nhân không cư trú	[35]	VNĐ	
5	Tổng số thuế TNCN phải khấu trừ	[36]	VNĐ	
5.1	Cá nhân cư trú có hợp đồng lao động	[37]	VNĐ	
5.2	Cá nhân cư trú không có hợp đồng lao động	[38]	VNĐ	
5.3	Cá nhân không cư trú	[39]	VNĐ	
6	Tổng số thuế TNCN đã nộp NSNN	[40]	VNĐ	
7	Tổng số thuế TNCN còn phải nộp NSNN	[41]	VNĐ	
8	Tổng số thuế TNCN đã nộp thừa	[42]	VNĐ	

II. Nghĩa vụ quyết toán thay cho cá nhân:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Số người/ Số tiền
1	Tổng số cá nhân uỷ quyền cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập quyết toán thay	[43]	Người
2	Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ	[44]	VNĐ
3	Tổng số thuế TNCN phải nộp	[45]	VNĐ
4	Tổng số thuế TNCN còn phải nộp NSNN	[46]	VNĐ
5	Tổng số thuế TNCN đã nộp thừa	[47]	VNĐ

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:.....

Ngàythángnăm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

HƯỚNG DẪN KHAI TỜ KHAI SỐ 05/KK-TNCN

Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế, hướng dẫn thi hành Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 và Nghị định số 106/2010/NĐ-CP ngày 28/10/2010 của Chính phủ.

[01] Kỳ tính thuế: Ghi theo năm của kỳ thực hiện khai thuế.

[02] Lần đầu: Nếu khai quyết toán thuế lần đầu thì đánh dấu “x” vào ô vuông.

[03] Bổ sung lần thứ: Nếu khai sau lần đầu thì được xác định là khai bổ sung và đánh số lần khai bổ sung vào ô vuông.

[04] Tên người nộp thuế: Ghi rõ ràng, đầy đủ tên của tổ chức, cá nhân trả thu nhập theo Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký thuế.

[05] Mã số thuế: Ghi rõ ràng, đầy đủ mã số thuế của tổ chức, cá nhân trả thu nhập theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế hoặc Thẻ mã số thuế do cơ quan thuế cấp.

[06], [07], [08] Ghi rõ ràng, đầy đủ địa chỉ trụ sở của tổ chức, cá nhân trả thu nhập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hoặc địa chỉ thường trú (đối với cá nhân) đã đăng ký với cơ quan thuế.

[09], [10], [11] Ghi rõ ràng, đầy đủ số điện thoại, số fax, địa chỉ email của tổ chức, cá nhân trả thu nhập (nếu không có thì bỏ trống).

[12] Tên đại lý thuế (nếu có): Trường hợp tổ chức, cá nhân trả thu nhập uỷ quyền khai quyết toán thuế cho Đại lý thuế thì phải ghi rõ ràng, đầy đủ tên của Đại lý thuế theo Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Đại lý thuế.

[13] Mã số thuế: Ghi rõ ràng, đầy đủ mã số thuế của Đại lý thuế theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế hoặc thẻ mã số thuế do cơ quan thuế cấp.

- [14], [15], [16]: **Địa chỉ:** Ghi rõ ràng, đầy đủ địa chỉ trụ sở của Đại lý thuế theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hoặc địa chỉ thường trú (đối với cá nhân) đã đăng ký với cơ quan thuế.
- [17], [18], [19]: **Điện thoại, fax, email:** Ghi rõ ràng, đầy đủ số điện thoại, số fax, địa chỉ email của Đại lý thuế (nếu không có thì bỏ trống).
- [20] **Hợp đồng đại lý thuế:** Ghi rõ ràng, đầy đủ số, ngày của Hợp đồng đại lý thuế giữa tổ chức, cá nhân trả thu nhập với Đại lý thuế (hợp đồng đang thực hiện).
- [21] **Tổng số cá nhân đã khấu trừ thuế:** Là tổng số cá nhân mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập đã khấu trừ thuế. Chỉ tiêu [21] = [22]+[23].
- [22] **Cá nhân cư trú:** Là tổng số cá nhân cư trú mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập đã khấu trừ thuế trong kỳ. Chỉ tiêu này bằng tổng số dòng có số liệu tại chỉ tiêu [17] Phụ lục 05A/BK-TNCN cộng với tổng số dòng có số liệu tại chỉ tiêu [13] Phụ lục 05B/BK-TNCN ứng với chỉ tiêu [10] Phụ lục 05B/BK-TNCN bỏ trống.
- [23] **Cá nhân không cư trú:** Là tổng số cá nhân không cư trú mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập đã khấu trừ thuế. Chỉ tiêu này bằng tổng số dòng có số liệu tại chỉ tiêu [13] Phụ lục 05B/BK-TNCN ứng với chỉ tiêu [10] Phụ lục 05B/BK-TNCN có đánh dấu “x”.
- [24] **Tổng TNCT trả cho cá nhân:** Là tổng các khoản thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công và các khoản thu nhập chịu thuế khác có tính chất tiền lương, tiền công mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập đã trả cho các cá nhân trong kỳ, kể cả các cá nhân đã thôi việc tính đến thời điểm lập tờ khai. $[24] = [25] + [26] + [27]$.
- [25] **Cá nhân cư trú có hợp đồng lao động:** Là các khoản thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công và các khoản thu nhập chịu thuế khác có tính chất tiền lương, tiền công mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập đã trả cho cá nhân cư trú có hợp đồng lao động trong kỳ. Chỉ tiêu này bằng chỉ tiêu [22] Phụ lục 05A/KK-TNCN.
- [26] **Cá nhân cư trú không có hợp đồng lao động:** Là các khoản thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công và các khoản thu nhập chịu thuế khác có tính chất tiền lương, tiền công mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập đã trả cho cá nhân cư trú không có hợp đồng lao động trong kỳ. Chỉ tiêu này bằng tổng cộng giá trị các dòng tại chỉ tiêu [11] Phụ lục 05B/BK-TNCN ứng với các dòng không đánh dấu tại chỉ tiêu [10] Phụ lục 05B/BK-TNCN.
- [27] **Cá nhân không cư trú:** Là các khoản thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công và các khoản thu nhập chịu thuế khác có tính chất tiền lương, tiền công mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập đã trả cho cá nhân không cư trú trong kỳ. Chỉ tiêu này bằng tổng cộng giá trị các dòng ở cột chỉ tiêu [11] Phụ lục 05B/BK-TNCN ứng với các dòng có đánh dấu (x) tại chỉ tiêu [10] Phụ lục 05B/BK-

TNCN có đánh dấu “x”. Chỉ tiêu này bằng chỉ tiêu [15] Phụ lục 05B/BK-TNCN trừ chỉ tiêu [26] Tờ khai 05/KK-TNCN.

[28] Tổng TNCT trả cho cá nhân thuộc diện phải khấu trừ thuế: Là các khoản thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công và các khoản thu nhập chịu thuế khác có tính chất tiền lương, tiền công mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập đã trả cho các cá nhân thuộc diện phải khấu trừ thuế trong kỳ, kể cả các cá nhân đã thôi việc tính đến thời điểm lập tờ khai. $[28] = [29] + [30] + [31]$.

[29] Cá nhân cư trú có hợp đồng lao động: Là các khoản thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công và các khoản thu nhập chịu thuế khác có tính chất tiền lương, tiền công mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập đã trả cho cá nhân cư trú có hợp đồng lao động thuộc diện phải khấu trừ thuế. Chỉ tiêu này bằng tổng cộng giá trị các dòng tại chỉ tiêu [11] Phụ lục 05A/BK-TNCN ứng với các dòng có số liệu tại chỉ tiêu [17] Phụ lục 05A/BK-TNCN.

[30] Cá nhân cư trú không có hợp đồng lao động: Là các khoản thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công và các khoản thu nhập chịu thuế khác có tính chất tiền lương, tiền công mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập đã trả cho cá nhân cư trú không có hợp đồng lao động thuộc diện phải khấu trừ thuế trong kỳ. Chỉ tiêu này bằng tổng giá trị các dòng tại chỉ tiêu [11] Phụ lục 05B/BK-TNCN ứng với các dòng có đánh dấu (x) tại chỉ tiêu [10] Phụ lục 05B/BK-TNCN và các dòng có số liệu tại chỉ tiêu [13] Phụ lục 05B/BK-TNCN.

[31] Cá nhân không cư trú: Là các khoản thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công và các khoản thu nhập chịu thuế khác có tính chất tiền lương, tiền công mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập đã trả cho cá nhân không cư trú thuộc diện phải khấu trừ thuế trong kỳ. Chỉ tiêu này bằng tổng giá trị các dòng tại chỉ tiêu [11] Phụ lục 05B/BK-TNCN ứng với các dòng có đánh dấu (x) tại chỉ tiêu [10] Phụ lục 05B/BK-TNCN và các dòng có số liệu tại chỉ tiêu [13] Phụ lục 05B/BK-TNCN.

[32] Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ: Là tổng số thuế thu nhập cá nhân mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập đã khấu trừ của các cá nhân trong kỳ. $[32] = [33] + [34] + [35]$.

[33] Cá nhân cư trú có hợp đồng lao động: Là số thuế thu nhập cá nhân mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập đã khấu trừ của cá nhân cư trú có hợp đồng lao động trong kỳ. Chỉ tiêu này bằng chỉ tiêu [28] Phụ lục 05A/BK-TNCN.

[34] Cá nhân cư trú không có hợp đồng lao động: Là số thuế thu nhập cá nhân mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập đã khấu trừ của cá nhân cư trú không có hợp đồng lao động hoặc có hợp đồng lao động dưới 3 tháng trong kỳ. Chỉ tiêu này bằng tổng giá trị các dòng tại chỉ tiêu [13] Phụ lục 05B/BK-TNCN ứng với chỉ tiêu [10] Phụ lục 05B/BK-TNCN không đánh dấu (x).

[35] Cá nhân không cư trú: Là số thuế thu nhập cá nhân mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập đã khấu trừ của cá nhân không cư trú trong kỳ. Chỉ tiêu này bằng tổng

giá trị các dòng tại Chỉ tiêu [13] Phụ lục 05B/BK-TNCN ứng với chỉ tiêu [10] Phụ lục 05B/BK-TNCN đánh dấu “x”. Chỉ tiêu này bằng chỉ tiêu [17] Phụ lục 05B/BK-TNCN trừ (-) [34].

[36] Tổng số thuế TNCN phải khấu trừ: Bỏ trống.

[37] Cá nhân cư trú có hợp đồng lao động: Bỏ trống.

[38] Cá nhân cư trú không có hợp đồng lao động: Bỏ trống.

[39] Cá nhân không cư trú: Bỏ trống.

[40] Tổng số thuế TNCN đã nộp NSNN: Là tổng số thuế thu nhập cá nhân mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập đã nộp vào NSNN căn cứ vào chứng từ nộp thuế.

[41] Tổng số thuế TNCN còn phải nộp NSNN: Là tổng số thuế thu nhập cá nhân mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập còn phải nộp thêm vào ngân sách nhà nước.
[41] = ([32] - [40]) > 0.

[42] Tổng số thuế TNCN đã nộp thừa: Là tổng số thuế thu nhập cá nhân mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập đã nộp thừa vào ngân sách nhà nước. [42] = ([40] - [32]) > 0.

[43] Tổng số cá nhân ủy quyền cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập quyết toán thay: Là tổng số cá nhân cư trú có hợp đồng lao động từ trên 3 tháng trở lên, có thu nhập duy nhất tại một nơi ủy quyền cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập quyết toán thay. Chỉ tiêu này bằng tổng số dòng tại Chỉ tiêu [10] Phụ lục 05A/BK-TNCN đánh dấu “x”.

[44] Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ: Là tổng số thuế thu nhập cá nhân mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập đã khấu trừ của các cá nhân đủ điều kiện ủy quyền cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập quyết toán thay. Chỉ tiêu này bằng tổng giá trị các dòng tại Chỉ tiêu [17] Phụ lục 05A/BK-TNCN ứng với Chỉ tiêu [10] Phụ lục 05A/BK-TNCN có đánh dấu “x”.

[45] Tổng số thuế TNCN phải nộp: Là tổng số thuế thu nhập cá nhân phải nộp của cá nhân đủ điều kiện ủy quyền cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập quyết toán thay. Chỉ tiêu này bằng chỉ tiêu [30] Phụ lục 05A/BK-TNCN.

[46] Tổng số thuế TNCN còn phải nộp NSNN: Là tổng số thuế thu nhập cá nhân còn phải nộp vào NSNN của cá nhân đủ điều kiện ủy quyền cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập quyết toán thay. [46] = ([45] - [44]) > 0.

[47] Tổng số thuế TNCN đã nộp thừa: Là tổng số thuế thu nhập cá nhân mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập đã nộp thừa vào NSNN của cá nhân đủ điều kiện ủy quyền cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập quyết toán thay. [47] = ([44] - [45]) > 0.

PHỤ LỤC

BẢNG KÊ THU NHẬP CHỊU THUẾ VÀ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN ĐỐI VỚI THU NHẬP TỪ TIỀN LƯƠNG, TIỀN CÔNG CỦA CÁ NHÂN CƯ TRÚ CÓ KÝ HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu số 05/KK-TNCN)

Mẫu số: **05A/BK-TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 28/2011/TT-BTC ngày
28/02/2011 của Bộ Tài chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm.....

[02] Tên người nộp thuế:.....

[03] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[04] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[05] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Stt	Họ và tên	Mã số thuế	Số CMND /Hộ chiếu	Cá nhân uỷ quyền quyết toán thay	Thu nhập chịu thuế		Các khoản giảm trừ			Thu nhập tính thuế	Số thuế TNCN đã khấu trừ	Số thuế TNCN phải khấu trừ	Chi tiết kết quả quyết toán thay cho cá nhân nộp thuế		
					Tổng số	Trong đó: TNCT làm căn cứ tính giảm thuế	Tổng số tiền giảm trừ gia cảnh	Từ thiện, nhân đạo, khuyến học	Bảo hiểm bắt buộc				Tổng số thuế phải nộp	Số thuế đã nộp thừa	Số thuế còn phải khấu trừ thêm
[06]	[07]	[08]	[09]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]	[17]	[18]	[19]	[20]	[21]
...															
Tổng					[22]	[23]	[24]	[25]	[26]	[27]	[28]	[29]	[30]	[31]	[32]

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:.....

Ngàythángnăm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

HƯỚNG DẪN KHAI TỜ KHAI SỐ 05A/BK-TNCN
Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BTC ngày 05/02/2010
của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số thủ tục hành chính về
Luật thuế thu nhập cá nhân.

[01] Kỳ tính thuế: Ghi theo năm của kỳ thực hiện khai thuế.

[02] Tên người nộp thuế: Ghi rõ ràng, đầy đủ tên của tổ chức, cá nhân trả thu nhập theo Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký thuế.

[03] Mã số thuế: Ghi rõ ràng, đầy đủ mã số thuế của tổ chức, cá nhân trả thu nhập theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế hoặc Thẻ mã số thuế do cơ quan thuế cấp.

[04] Tên đại lý thuế (nếu có): Trường hợp tổ chức, cá nhân trả thu nhập uỷ quyền khai quyết toán thuế cho đại lý thuế thì phải ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in hoa tên của đại lý thuế theo Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

[05] Mã số thuế: Ghi rõ ràng, đầy đủ mã số thuế của Đại lý thuế theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế hoặc thẻ mã số thuế do cơ quan thuế cấp.

[06] STT: Ghi rõ số thứ tự từ nhỏ đến lớn.

[07] Họ và tên: Ghi rõ ràng, đầy đủ họ và tên của từng cá nhân nhận thu nhập bao gồm cá nhân cư trú có ký hợp đồng lao động trên 3 tháng, kể cả cá nhân nhận thu nhập chưa đến mức khấu trừ thuế hoặc cá nhân đã thôi việc tính đến thời điểm lập tờ khai.

[08] Mã số thuế: Ghi rõ ràng, đầy đủ mã số thuế của cá nhân theo Thông báo mã số thuế hoặc thẻ mã số thuế do cơ quan thuế cấp cho cá nhân.

[09] Số CMND/Hộ chiếu: Ghi số chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu đối với cá nhân chưa có mã số thuế.

[10] Cá nhân uỷ quyền quyết toán thay: Cá nhân đủ điều kiện đã uỷ quyền cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập quyết toán thay thì đánh dấu “x” vào chỉ tiêu này.

[11] Tổng số: Là tổng các khoản thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công và các khoản thu nhập chịu thuế khác có tính chất tiền lương, tiền công mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập đã trả cho cá nhân, bao gồm cả các khoản tiền lương, tiền công nhận được do làm việc tại khu kinh tế.

[12] TNCT làm căn cứ tính giảm thuế: Là các khoản thu nhập chịu thuế mà cá nhân nhận được do làm việc tại khu kinh tế.

[13] Tổng số tiền giảm trừ gia cảnh:

- Giảm trừ cho bản thân theo mức 4 triệu đồng/tháng
- Giảm trừ cho người phụ thuộc theo mức 1,6 triệu đồng / người / tháng.

[14] Từ thiện, nhân đạo, khuyến học: Là các khoản chi đóng góp vào các tổ chức, cơ sở chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người tàn tật, người già không nơi nương tựa; các khoản chi đóng góp vào các quỹ từ thiện, quỹ nhân đạo, quỹ khuyến học được thành lập và hoạt động vì mục đích từ thiện, nhân đạo, khuyến học, không nhằm mục đích lợi nhuận (nếu có).

[15] Bảo hiểm bắt buộc: Là các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm trách nhiệm bắt buộc và các khoản bảo hiểm bắt buộc khác mà cá nhân phải đóng góp theo quy định của pháp luật.

[16] Thu nhập tính thuế: $[16] = [11] - [13] - [14] - [15]$

[17] Số thuế TNCN đã khấu trừ: Là tổng số thuế thu nhập cá nhân mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập đã khấu trừ của cá nhân cư trú có hợp đồng lao động trên 3 tháng trong kỳ căn cứ theo chứng từ khấu trừ thuế.

[18] Tổng số thuế TNCN phải khấu trừ: Bỏ trống.

[19] Tổng số thuế phải nộp: Là tổng số thuế phải nộp của cá nhân đủ điều kiện uỷ quyền cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập quyết toán thay. Thuế phải nộp tính theo Biểu thuế lũy tiến từng phần có trừ số thuế được giảm do làm việc trong khu kinh tế.
 $[19] = ([16] \times \text{Biểu thuế lũy tiến}) - \{([16] \times \text{Biểu thuế lũy tiến}) \times ([12]/[11]) \times 50\%\}.$

Riêng kỳ tính thuế năm 2011:

- Nếu $[16]/12 \leq 5$ triệu đồng thì $[19] = \{[16]/12 \times 5\% \times 7 \text{ tháng}\} - \{[16]/12 \times 5\% \times 7 \text{ tháng} \times ([12]/[11]) \times 50\%\}.$

- Nếu $[16]/12 > 5$ triệu đồng thì $[19] = \{[16]/12 \times \text{thuế suất Biểu thuế lũy tiến} \times 12 \text{ tháng}\} - \{[16]/12 \times \text{thuế suất Biểu thuế lũy tiến} \times 12 \text{ tháng} \times ([12]/[11]) \times 50\%\}.$

[20] Số thuế đã nộp thừa: Là số thuế đã nộp thừa của cá nhân đủ điều kiện uỷ quyền cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập quyết toán thay. $[20] = [19] - [17] < 0.$

[21] Số thuế còn phải khấu trừ thêm: Là số thuế còn phải khấu trừ thêm của cá nhân đủ điều kiện uỷ quyền cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập quyết toán thay. $[21] = [19] - [17] > 0$

[22] Tổng số thu nhập chịu thuế: Chỉ tiêu này bằng tổng cột chỉ tiêu [11].

[23] Tổng số TNCT làm căn cứ tính giảm thuế: Chỉ tiêu này bằng tổng cột chỉ tiêu [12].

[24] Tổng số tiền giảm trừ gia cảnh: Chỉ tiêu này bằng tổng cột chỉ tiêu [13].

[25] Tổng từ thiện, nhân đạo, khuyến học: Chỉ tiêu này bằng tổng cột chỉ tiêu [14].

[26] Tổng bảo hiểm bắt buộc: Chỉ tiêu này bằng tổng cột chỉ tiêu [15].

[27] Tổng thu nhập tính thuế: Chỉ tiêu này bằng tổng cột chỉ tiêu [16].

[28] Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ: Chỉ tiêu này bằng tổng cột chỉ tiêu [17].

[29] Tổng số thuế TNCN phải khấu trừ: Bỏ trống.

[30] Tổng số thuế phải nộp: Chỉ tiêu này bằng tổng cột chỉ tiêu [19].

[31] Tổng số thuế đã nộp thừa: Chỉ tiêu này bằng tổng cột chỉ tiêu [20].

[32] Tổng số thuế còn phải khấu trừ thêm: Chỉ tiêu này bằng tổng cột chỉ tiêu [21].

PHỤ LỤC
BẢNG KÊ THU NHẬP CHỊU THUẾ VÀ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN
ĐÃ KHẤU TRỪ ĐỐI VỚI THU NHẬP TỪ TIỀN LƯƠNG, TIỀN CÔNG
CỦA CÁ NHÂN CƯ TRÚ KHÔNG KÝ HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG HOẶC
CÓ HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG DƯỚI 3 THÁNG VÀ CÁ NHÂN KHÔNG CƯ TRÚ
(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu số 05/KK-TNCN)

Mẫu số: **05B/BK-TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 28/2011/TT-BTC ngày
28/02/2011 của Bộ Tài chính)

[01] Kỳ tính thuế: Năm.....

[02] Tên người nộp thuế:.....

[03] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[04] Tên đại lý thuế (nếu có):

[05] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Stt	Họ và tên	Mã số thuế	Số CMND/ Hộ chiếu	Cá nhân không cư trú	Thu nhập chịu thuế		Số thuế TNCN đã khấu trừ	Số thuế TNCN phải khấu trừ
					Tổng số	Trong đó: TNCT làm căn cứ tính giảm thuế		
[06]	[07]	[08]	[09]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]
1								
...								
Tổng					[15]	[16]	[17]	[18]

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:
Chứng chỉ hành nghề số:.....

Ngàythángnăm
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

HƯỚNG DẪN KHAI TỜ KHAI SỐ 05B/BK-TNCN
Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28/02/2011 của Bộ
Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế,
hướng dẫn thi hành Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 và
Nghị định số 106/2010/NĐ-CP ngày 28/10/2010 của Chính phủ.

- [01] **Kỳ tính thuế:** Ghi theo năm của kỳ thực hiện khai thuế.
- [02] **Tên người nộp thuế:** Ghi rõ ràng, đầy đủ tên của tổ chức, cá nhân trả thu nhập theo Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký thuế.
- [03] **Mã số thuế:** Ghi rõ ràng, đầy đủ mã số thuế của tổ chức, cá nhân trả thu nhập theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế hoặc Thẻ mã số thuế do cơ quan thuế cấp.
- [04] **Tên đại lý thuế (nếu có):** Trường hợp tổ chức, cá nhân trả thu nhập uỷ quyền khai quyết toán thuế cho đại lý thuế thì phải ghi rõ ràng, đầy đủ bằng chữ in hoa tên của đại lý thuế theo Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- [05] **Mã số thuế:** Ghi rõ ràng, đầy đủ mã số thuế của Đại lý thuế theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế hoặc thẻ mã số thuế do cơ quan thuế cấp.
- [06] **STT:** Ghi rõ số thứ tự từ nhỏ đến lớn.
- [07] **Họ và tên:** Ghi rõ ràng, đầy đủ họ và tên của từng cá nhân cư trú không ký hợp đồng lao động hoặc có hợp đồng lao động dưới 3 tháng và cá nhân không cư trú được tổ chức, cá nhân trả thu nhập trong kỳ, kể cả các cá nhân có thu nhập chưa đến mức khấu trừ thuế.
- [08] **Mã số thuế:** Ghi rõ ràng, đầy đủ mã số thuế của cá nhân theo Thông báo mã số thuế hoặc thẻ mã số thuế do cơ quan thuế cấp cho cá nhân.
- [09] **Số CMND/Hộ chiếu:** Ghi số chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu đối với cá nhân chưa có mã số thuế.
- [10] **Cá nhân không cư trú:** Nếu là cá nhân không cư trú thì đánh dấu “x” vào chỉ tiêu này.
- [11] **Tổng số:** Là tổng các khoản thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công và các khoản thu nhập chịu thuế khác có tính chất tiền lương, tiền công mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập đã trả cho cá nhân cư trú không ký hợp đồng lao động hoặc có hợp đồng lao động dưới 3 tháng và cá nhân không cư trú trong kỳ, bao gồm cả các khoản thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công cá nhân nhận được do làm việc tại khu kinh tế.
- [12] **TNCT làm căn cứ tính giảm thuế:** Là các khoản thu nhập chịu thuế mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập trả cho cá nhân do làm việc tại khu kinh tế trong kỳ.

- [13] Số thuế TNCN đã khấu trừ:** Là số thuế thu nhập cá nhân mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập đã khấu trừ của từng cá nhân trong kỳ.
- [14] Số thuế TNCN phải khấu trừ:** Bỏ trống.
- [15] Tổng thu nhập chịu thuế:** Chỉ tiêu này bằng tổng cột chỉ tiêu [11].
- [16] Tổng thu nhập chịu thuế làm căn cứ tính giảm thuế:** Chỉ tiêu này bằng tổng cột chỉ tiêu [12].
- [17] Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ:** Chỉ tiêu này bằng tổng cột chỉ tiêu [13].
- [18] Tổng số thuế TNCN phải khấu trừ:** Bỏ trống.

Mẫu số: **06/KK-TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 28/2011/TT-BTC ngày
28/02/2011 của Bộ Tài chính)

(Dành cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ đầu tư vốn, từ chuyển nhượng chứng khoán, từ bản quyền, nhượng quyền thương mại, từ trúng thưởng cho cá nhân và trả thu nhập từ kinh doanh cho cá nhân không cư trú)

[02] Lần đầu: **[03]** Bổ sung lần thứ:

[illegible]

[12] Tên đại lý thuốc (nếu có):.....

[13] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số: Ngày:

25

1	Tổng số cá nhân nhận thu nhập chịu thuế	[29]	Người	
2	Tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân	[30]	VNĐ	
3	Tổng số thuế đã khấu trừ	[31]	VNĐ	

Tôi cam đoan những nội dung kê khai là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

Ngàythángnăm

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

HƯỚNG DẪN KHAI TỜ KHAI SỐ 06/KK-TNCN

Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế, hướng dẫn thi hành Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 và Nghị định số 106/2010/NĐ-CP ngày 28/10/2010 của Chính phủ.

-
- [01] **Kỳ tính thuế:** Ghi theo năm của kỳ thực hiện khai thuế.
- [02] **Lần đầu:** Nếu khai quyết toán thuế lần đầu thì đánh dấu “x” vào ô vuông.
- [03] **Bổ sung lần thứ:** Nếu khai sau lần đầu thì được xác định là khai bổ sung và đánh số lần khai bổ sung vào ô vuông.
- [04] **Tên người nộp thuế:** Ghi rõ ràng, đầy đủ tên của tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ đầu tư vốn, từ chuyển nhượng chứng khoán, từ bản quyền, nhượng quyền thương mại, từ trúng thưởng cho cá nhân và trả thu nhập từ kinh doanh cho cá nhân không cư trú theo Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký thuế.
- [05] **Mã số thuế:** Ghi rõ ràng, đầy đủ mã số thuế của tổ chức, cá nhân trả thu nhập theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế hoặc Thẻ mã số thuế do cơ quan thuế cấp.
- [06], [07], [08] Ghi rõ ràng, đầy đủ địa chỉ trụ sở của tổ chức, cá nhân trả thu nhập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hoặc địa chỉ cư trú (đối với cá nhân) đã đăng ký với cơ quan thuế.
- [09], [10], [11] Ghi rõ ràng, đầy đủ số điện thoại, số fax, địa chỉ email của tổ chức, cá nhân trả thu nhập (nếu không có thì bỏ trống).
- [12] **Tên đại lý thuế (nếu có):** Trường hợp tổ chức, cá nhân trả thu nhập uỷ quyền khai quyết toán thuế cho Đại lý thuế thì phải ghi rõ ràng, đầy đủ tên của Đại lý thuế theo Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Đại lý thuế.

- [13] **Mã số thuế:** Ghi rõ ràng, đầy đủ mã số thuế của Đại lý thuế theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế hoặc thẻ mã số thuế do cơ quan thuế cấp.
- [14], [15], [16]: **Địa chỉ:** Ghi rõ ràng, đầy đủ địa chỉ trụ sở của Đại lý thuế theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hoặc địa chỉ thường trú (đối với cá nhân) đã đăng ký với cơ quan thuế.
- [17], [18], [19]: **Điện thoại, fax, email:** Ghi rõ ràng, đầy đủ số điện thoại, số fax, địa chỉ email của Đại lý thuế (nếu không có thì bỏ trống).
- [20] **Hợp đồng đại lý thuế:** Ghi rõ ràng, đầy đủ số, ngày của Hợp đồng đại lý thuế giữa tổ chức, cá nhân trả thu nhập với Đại lý thuế (hợp đồng đang thực hiện).
- [21] **Tổng thu nhập tính thuế:** Là tổng các khoản thu nhập mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập đã trả cho cá nhân trong kỳ từ đầu tư vốn theo quy định.
- [22] **Tổng số thuế đã khấu trừ (5%):** Là tổng số thuế TNCN mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập đã khấu trừ (5%) đối với thu nhập từ đầu tư vốn của cá nhân trong kỳ căn cứ theo chứng từ khấu trừ thuế.
- [23] **Tổng giá trị chứng khoán chuyển nhượng:** Là tổng giá trị giao dịch từ chuyển nhượng chứng khoán trong kỳ. Chỉ tiêu này bằng chỉ tiêu [12] Phụ lục 06/BK-TNCN.
- [24] **Tổng số thuế đã khấu trừ (0,1%):** Là tổng số thuế TNCN mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập đã khấu trừ 0,1% đối với các giao dịch từ chuyển nhượng chứng khoán trong kỳ. Chỉ tiêu này bằng chỉ tiêu [13] Phụ lục 06/BK-TNCN.
- [25] **Tổng thu nhập tính thuế:** Là tổng các khoản thu nhập mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập đã trả cho cá nhân trong kỳ từ bản quyền, từ nhượng quyền thương mại vượt trên 10 triệu đồng theo hợp đồng chuyển nhượng không phụ thuộc vào số lần thanh toán hoặc số lần nhận tiền mà cá nhân nhận được.
- [26] **Tổng số thuế đã khấu trừ (5%):** Là tổng số thuế TNCN mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập đã khấu trừ (5%) đối với thu nhập từ bản quyền, từ nhượng quyền thương mại trong kỳ căn cứ theo chứng từ khấu trừ thuế.
- [27] **Tổng thu nhập tính thuế:** Là tổng các khoản thu nhập mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập đã trả cho cá nhân trong kỳ từ trúng thưởng.
- [28] **Tổng số thuế đã khấu trừ (10%):** Là tổng số thuế TNCN mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập đã khấu trừ (10%) đối với thu nhập từ trúng thưởng trong kỳ.
- [29] **Tổng số cá nhân nhận TNCT:** Là tổng số cá nhân không cư trú nhận thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh trong kỳ.

[30] Tổng thu nhập chịu thuế trả cho cá nhân: Là tổng các khoản thu nhập mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập đã trả trong kỳ cho các cá nhân không cư trú cung cấp hàng hóa và dịch vụ.

[31] Tổng số thuế đã khấu trừ: Là tổng số thuế TNCN mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập đã khấu trừ của cá nhân không cư trú trong kỳ.

Mẫu số: **06/BK-TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 28/2011/TT-BTC ngày
28/02/2011 của Bộ Tài chính)

PHỤ LỤC
BẢNG KÊ CHI TIẾT GIÁ TRỊ CHUYỂN NHƯỢNG VÀ THUẾ
THU NHẬP CÁ NHÂN ĐÃ KHẤU TRỪ ĐỐI VỚI THU NHẬP
TỪ CHUYỂN NHƯỢNG CHỨNG KHOÁN

(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu số 06/KK-TNCN)

[01] Kỳ tính thuế: Năm.....

[02] Tên người nộp thuế:

[03] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[04] Tên đại lý thuế (nếu

có):.....

[05] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Stt	Họ và tên	Mã số thuế	Số CMND/ Hộ chiếu	Tổng giá trị chuyển nhượng trong kỳ	Thuế TNCN đã khấu trừ
[06]	[07]	[08]	[09]	[10]	[11]
1					
2					
3					
...					
Tổng cộng				[12]	[13]

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:.....

Ngàythángnăm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

HƯỚNG DẪN KHAI TỜ KHAI SỐ 06/BK-TNCN

Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế, hướng dẫn thi hành Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 và Nghị định số 106/2010/NĐ-CP ngày 28/10/2010 của Chính phủ.

- [01] **Kỳ tính thuế:** Ghi theo năm của kỳ thực hiện khai thuế.
- [02] **Tên người nộp thuế:** Ghi rõ ràng, đầy đủ tên của tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.
- [03] **Mã số thuế:** Ghi rõ ràng, đầy đủ mã số thuế của tổ chức, cá nhân trả thu nhập theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế hoặc Thẻ mã số thuế do cơ quan thuế cấp.
- [04] **Tên đại lý thuế (nếu có):** Trường hợp tổ chức, cá nhân trả thu nhập uỷ quyền khai quyết toán thuế cho Đại lý thuế thì phải ghi rõ ràng, đầy đủ tên của Đại lý thuế theo Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Đại lý thuế.
- [05] **Mã số thuế:** Ghi rõ ràng, đầy đủ mã số thuế của Đại lý thuế theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế hoặc thẻ mã số thuế do cơ quan thuế cấp.
- [06] **STT:** Ghi rõ số thứ tự từ nhỏ đến lớn của cá nhân chuyển nhượng chứng khoán.
- [07] **Họ và tên:** ghi rõ ràng, đầy đủ họ và tên của từng cá nhân chuyển nhượng chứng khoán.
- [08] **Mã số thuế:** ghi rõ ràng, đầy đủ mã số thuế của cá nhân chuyển nhượng chứng khoán theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế hoặc thẻ mã số thuế do cơ quan thuế cấp.
- [09] **Số CMND/Hộ chiếu:** ghi rõ ràng, đầy đủ số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu đối với cá nhân chưa có mã số thuế.
- [10] **Tổng giá trị chuyển nhượng trong kỳ:** là tổng giá trị chứng khoán chuyển nhượng của từng cá nhân trong kỳ.
- [11] **Thuế TNCN đã khấu trừ:** là số thuế thu nhập cá nhân mà tổ chức trả thu nhập đã khấu trừ của cá nhân chuyển nhượng chứng khoán trong kỳ.
- [12] **Tổng cộng tổng giá trị chuyển nhượng trong kỳ:** Chỉ tiêu này là tổng cột chỉ tiêu [10].
- [13] **Tổng cộng thuế TNCN đã khấu trừ:** Chỉ tiêu này là tổng cột chỉ tiêu [11].

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: **09/KK-TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 28/2011/TT-BTC ngày
28/02/2011 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

(Dành cho cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công và
cá nhân có thu nhập từ kinh doanh)

[01] Kỳ tính thuế: Năm

[02] Lần đầu: ☐

[03] Bổ sung lần thứ: ☐

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế:

[06] Địa chỉ:

[07] Quận/huyện: [08] Tỉnh/thành phố:

[09] Điện thoại: [10] Fax: [11] Email:

[12] Số tài khoản ngân hàng (nếu có): Mở tại:

[13] Tên đại lý thuế (nếu có):

[14] Mã số thuế:

[15] Địa chỉ:

[16] Quận/huyện: [17] Tỉnh/thành phố:

[18] Điện thoại: [19] Fax: [20] Email:

[21] Hợp đồng đại lý thuế: Số: Ngày:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Stt	Chỉ tiêu			Số tiền
1	Tổng thu nhập chịu thuế (TNCT) trong kỳ		[22]	
	a	Tổng TNCN phát sinh tại Việt Nam trong đó:	[23]	
		Tổng TNCT làm căn cứ tính giảm thuế	[24]	
	b	Tổng TNCT phát sinh ngoài Việt Nam	[25]	
2	Các khoản giảm trừ		[26]	
	a	Cho bản thân cá nhân	[27]	
	b	Cho những người phụ thuộc được giảm trừ	[28]	
	c	Từ thiện, nhân đạo, khuyến học	[29]	
	d	Đóng góp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm trách nhiệm bắt buộc	[30]	
3	Tổng thu nhập tính thuế		[31]	
4	Tổng số thuế TNCN phát sinh trong kỳ		[32]	
5	Tổng số thuế đã tạm nộp, đã khấu trừ, đã nộp trong kỳ		[33]	

	a	Đã khấu trừ	[34]	
	b	Đã tạm nộp	[35]	
	c	Đã nộp ở nước ngoài được giảm trừ (nếu có)	[36]	
6	Tổng số thuế TNCN được giảm trong kỳ		[37]	
7	Tổng số thuế còn phải nộp trong kỳ		[38]	
8	Tổng số thuế nộp thừa trong kỳ		[39]	
	a	Tổng số thuế đề nghị hoàn	[40]	
	b	Tổng số thuế bù trừ vào kỳ sau	[41]	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:
Chứng chỉ hành nghề số:.....

Ngàythángnăm
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

HƯỚNG DẪN KHAI TỜ KHAI SỐ 09/KK-TNCN
Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế, hướng dẫn
thi hành Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 và Nghị định số 106/2010/NĐ-CP ngày 28/10/2010 của Chính phủ.

- [01] **Kỳ tính thuế:** Ghi theo năm của kỳ thực hiện khai thuế. Trường hợp cá nhân yêu cầu quyết toán thuế giữa năm (không tròn năm) (VD: cá nhân nước ngoài kết thúc hợp đồng trở về nước, ...) thì kỳ tính thuế được ghi từ tháng ... đến tháng ...
- [02] **Lần đầu:** Nếu khai quyết toán thuế lần đầu thì đánh dấu “x” vào ô vuông.
- [03] **Bổ sung lần thứ:** Nếu khai sau lần đầu thì được xác định là khai bổ sung và đánh số lần khai bổ sung vào ô vuông.
- [04] **Tên người nộp thuế:** Ghi rõ ràng, đầy đủ tên của cá nhân theo Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký thuế.
- [05] **Mã số thuế:** Ghi rõ ràng, đầy đủ mã số thuế của cá nhân theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế hoặc Thẻ mã số thuế do cơ quan thuế cấp.

- [06], [07], [08] **Địa chỉ:** Ghi rõ ràng, đầy đủ địa chỉ trụ sở kinh doanh của cá nhân theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hoặc địa chỉ cư trú (đối với cá nhân không kinh doanh) đã đăng ký với cơ quan thuế.
- [09], [10], [11] **Điện thoại, fax, email:** Ghi rõ ràng, đầy đủ số điện thoại, số fax, địa chỉ email của cá nhân (nếu không có thì bỏ trống).
- [12] **Số tài khoản ngân hàng (nếu có):** Nếu có giao dịch với ngân hàng thì ghi rõ số tài khoản và tên ngân hàng mở tài khoản.
- [13] **Tên đại lý thuế (nếu có):** Trường hợp cá nhân uỷ quyền khai quyết toán thuế cho Đại lý thuế thì phải ghi rõ ràng, đầy đủ tên của Đại lý thuế theo Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Đại lý thuế.
- [14] **Mã số thuế:** Ghi rõ ràng, đầy đủ mã số thuế của Đại lý thuế theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế hoặc thẻ mã số thuế do cơ quan thuế cấp.
- [15], [16], [17]: **Địa chỉ:** Ghi rõ ràng, đầy đủ địa chỉ trụ sở của Đại lý thuế theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hoặc địa chỉ thường trú (đối với cá nhân) đã đăng ký với cơ quan thuế.
- [18], [19], [20]: **Điện thoại, fax, email:** Ghi rõ ràng, đầy đủ số điện thoại, số fax, địa chỉ email của Đại lý thuế (nếu không có thì bỏ trống).
- [21] **Hợp đồng đại lý thuế:** Ghi rõ ràng, đầy đủ số, ngày của Hợp đồng đại lý thuế giữa cá nhân với Đại lý thuế (hợp đồng đang thực hiện).
- [22] **Tổng thu nhập chịu thuế (TNCT) trong kỳ:** Là tổng các khoản thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công, từ kinh doanh phát sinh tại Việt Nam và ngoài Việt Nam bao gồm cả các khoản thu nhập mà cá nhân nhận được do làm việc trong khu kinh tế. $[22] = [23] + [25]$.
- [23] **Tổng TNCN phát sinh tại Việt Nam:** Là tổng các khoản thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công, từ kinh doanh phát sinh tại Việt Nam bao gồm cả các khoản thu nhập mà cá nhân nhận được do làm việc, kinh doanh trong khu kinh tế. Chỉ tiêu này bằng chỉ tiêu [06] Phụ lục 09A/PL-TNCN cộng với chỉ tiêu [15] Phụ lục 09B/PL-TNCN ≥ 0 . Trường hợp chỉ tiêu [15] Phụ lục 09B/PL-TNCN < 0 thì không được bù trừ.
- [24] **Tổng TNCT làm căn cứ tính giảm thuế:** Là tổng các khoản thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công, từ kinh doanh mà cá nhân nhận được do làm việc, kinh doanh trong khu kinh tế. Chỉ tiêu này bằng chỉ tiêu [07] phụ lục 09A/PL-TNCN cộng với chỉ tiêu [16] Phụ lục 09B/PL-TNCN ≥ 0 . Trường hợp chỉ tiêu [16] Phụ lục 09B/PL-TNCN < 0 thì không được bù trừ.
- [25] **Tổng TNCT phát sinh ngoài Việt Nam:** Là tổng các khoản thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công, từ kinh doanh phát sinh ngoài Việt Nam. Chỉ tiêu này bằng chỉ tiêu [08] Phụ lục 09A/PL-TNCN cộng chỉ tiêu [19] Phụ

lục 09B/PL-TNCN ≥ 0 . Trường hợp chỉ tiêu [19] Phụ lục 09B/PL-TNCN < 0 thì không được bù trừ.

[26] Các khoản giảm trừ: $[26] = [27] + [28] + [29] + [30]$

[27] Cho bản thân cá nhân: Là số tiền giảm trừ cho bản thân cá nhân theo mức 4.000.000 VNĐ/tháng x 12 tháng.

Trường hợp cá nhân có yêu cầu quyết toán thuế giữa năm (Ví dụ: cá nhân người nước ngoài kết thúc hợp đồng trở về nước,...) thì số tháng được giảm trừ cho bản thân cá nhân được tính đến thời điểm quyết toán.

[28] Cho những người phụ thuộc được giảm trừ: Là số tiền giảm trừ cho người phụ thuộc theo mức 1,6 triệu đồng/người/tháng x số tháng được giảm trừ trong kỳ. Chỉ tiêu này bằng chỉ tiêu [17] Phụ lục 09C/PL-TNCN.

[29] Từ thiện, nhân đạo, khuyến học: là các khoản chi đóng góp vào các tổ chức, cơ sở chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, người tàn tật, người già không nơi nương tựa; các khoản chi đóng góp vào các quỹ từ thiện, quỹ nhân đạo, quỹ khuyến học được thành lập và hoạt động vì mục đích từ thiện, nhân đạo, khuyến học, không nhằm mục đích lợi nhuận.

[30] Đóng góp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm trách nhiệm bắt buộc: là các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm trách nhiệm bắt buộc theo quy định của pháp luật mà cá nhân đã đóng góp vào cơ quan bảo hiểm trong kỳ.

[31] Tổng thu nhập tính thuế: $[31] = [22] - [26]$.

[32] Tổng số thuế TNCN phát sinh trong kỳ: $[32] = [31]/12 \times$ thuế suất theo Biểu thuế lũy tiến từng phần x 12 tháng.

Riêng kỳ tính thuế năm 2011:

- Nếu chỉ tiêu $[31]/12 \leq 5$ triệu đồng thì $[32] = [31]/12 \times 5\% \times 7$ tháng.

- Nếu chỉ tiêu $[31]/12 > 5$ triệu đồng thì $[32] = [31]/12 \times$ thuế suất theo Biểu thuế lũy tiến x 12 tháng.

[33] Tổng số thuế đã tạm nộp, đã khấu trừ, đã nộp trong kỳ.

$[33] = [34] + [35] + [36]$

[34] Đã khấu trừ: Là tổng số thuế các tổ chức, cá nhân trả thu nhập đã khấu trừ của cá nhân trong kỳ. Chỉ tiêu này bằng chỉ tiêu [09] Phụ lục 09A/PL-TNCN cộng chỉ tiêu [18] Phụ lục 09B/PL-TNCN.

[35] Đã tạm nộp: Là tổng số thuế từ tiền lương, tiền công, kinh doanh cá nhân đã tạm nộp trong kỳ. Chỉ tiêu này bằng chỉ tiêu [12] Phụ lục 09A/PL-TNCN cộng chỉ tiêu [17] Phụ lục 09B/PL-TNCN cộng chỉ tiêu [43] Phụ lục 08B/KK-TNCN.

[36] Đã nộp ở nước ngoài được giảm trừ (nếu có): Là số thuế đã nộp ở nước ngoài được trừ nhưng không vượt quá số thuế phải nộp tính theo biểu thuế của Việt Nam tính phân bổ cho phần thu nhập phát sinh tại nước ngoài. Tỷ lệ phân bổ được xác định bằng tỷ lệ giữa số thu nhập phát sinh tại nước

ngoài và tổng thu nhập chịu thuế.

- Số thuế đã nộp tại nước ngoài = chỉ tiêu [13] Phụ lục 09A/PL-TNCN cộng chỉ tiêu [20] Phụ lục 09B/PL-TNCN.

- Nếu số thuế đã nộp tại nước ngoài $\leq [32] \times ([25]/[22])$ thì [36] = số thuế đã nộp tại nước ngoài.

- Nếu số thuế đã nộp tại nước ngoài $> [32] \times ([25]/[22])$ thì [36] = $[32] \times ([25]/[22])$.

[37] Tổng số thuế TNCN được giảm trong kỳ:

- Trường hợp cá nhân có thu nhập do làm việc trong khu kinh tế trong kỳ thì được giảm số thuế phải nộp. $[37] = \{[32] \times ([24]/[22])\} \times 50\%$.

- Trường hợp cá nhân lần đầu tiên đến Việt Nam và năm đầu tiên quyết toán theo 12 tháng liên tục, năm thứ hai quyết toán theo năm dương lịch nên phát sinh số thuế TNCN tính trùng thì số thuế tính trùng này được trừ vào số thuế phải nộp của năm tính thuế thứ hai. Cá nhân kê khai số thuế tính trùng được trừ vào chỉ tiêu này theo công thức sau:

$$\text{Số thuế tính trùng được trừ} = \frac{\text{Số thuế phải nộp trong năm tính thuế thứ nhất}}{12} \times \text{Số tháng tính trùng}$$

[38] Tổng số thuế còn phải nộp trong kỳ : $[38] = [32] - [33] - [37] > 0$

[39] Tổng số thuế nộp thừa trong kỳ: $[39] = [32] - [33] - [37] < 0$.

[40] Tổng số thuế đề nghị hoàn: Cá nhân có số thuế nộp thừa và đề nghị hoàn thì ghi vào chỉ tiêu này.

[41] Tổng số thuế bù trừ vào kỳ sau: Cá nhân có số thuế nộp thừa và đề nghị bù trừ vào kỳ sau thì ghi vào chỉ tiêu này.

PHỤ LỤC THU NHẬP TỪ TIỀN LƯƠNG, TIỀN CÔNG

(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu số 09/KK-TNCN năm)

[01] Họ và tên cá nhân có thu nhập:.....

[02] Mã số thuế:

[03] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[04] Mã số thuế:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Stt	Chỉ tiêu		Số tiền
1	Tổng thu nhập chịu thuế phát sinh trong kỳ		[05]
	a	Thu nhập phát sinh tại Việt Nam trong đó:	[06]
		Thu nhập làm căn cứ tính giảm thuế	[07]
	b	Thu nhập phát sinh ngoài Việt Nam	[08]
2	Tổng số thuế đơn vị trả thu nhập đã khấu trừ trong kỳ		[09]
	a	Tổng số thuế đã khấu trừ theo biểu lũy tiến từng phần	[10]
	b	Tổng số thuế đã khấu trừ theo mức 10%	[11]
3	Tổng số thuế đã tạm nộp tại Việt Nam		[12]
4	Tổng số thuế đã nộp ngoài Việt Nam		[13]

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:
Chứng chỉ hành nghề số:.....

Ngàythángnăm
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

HƯỚNG DẪN KHAI TỜ KHAI SỐ 09A/PL-TNCN
Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế, hướng dẫn thi hành Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 và Nghị định số 106/2010/NĐ-CP ngày 28/10/2010 của Chính phủ.

[01] **Họ và tên cá nhân có thu nhập:** Ghi rõ ràng, đầy đủ tên của cá nhân theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Chứng minh nhân dân.

- [02] **Mã số thuế:** Ghi rõ ràng, đầy đủ mã số thuế của cá nhân theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế hoặc Thẻ mã số thuế do cơ quan thuế cấp.
- [03] **Tên đại lý thuế (nếu có):** Trường hợp cá nhân uỷ quyền khai quyết toán thuế cho Đại lý thuế thì phải ghi rõ ràng, đầy đủ tên của Đại lý thuế theo Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Đại lý thuế.
- [04] **Mã số thuế:** Ghi rõ ràng, đầy đủ mã số thuế của Đại lý thuế theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế hoặc thẻ mã số thuế do cơ quan thuế cấp.
- [05] **Tổng thu nhập chịu thuế phát sinh trong kỳ:** Là tổng các khoản thu nhập chịu thuế trong kỳ từ tiền lương, tiền công và các khoản thu nhập chịu thuế khác có tính chất tiền lương tiền công phát sinh tại Việt Nam và ngoài Việt Nam, bao gồm cả các khoản thu nhập mà cá nhân nhận được do làm việc trong khu kinh tế. **[05] = [06] + [08]**
- [06] **Thu nhập phát sinh tại Việt Nam:** Là tổng các khoản thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công và các khoản thu nhập chịu thuế khác có tính chất tiền lương tiền công phát sinh tại Việt Nam.
- [07] **Thu nhập làm căn cứ tính giảm thuế:** Là tổng các khoản thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công và các khoản thu nhập chịu thuế khác có tính chất tiền lương tiền công mà cá nhân nhận được do làm việc trong khu kinh tế.
- [08] **Thu nhập phát sinh ngoài Việt Nam:** Là tổng các khoản thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công và các khoản thu nhập chịu thuế khác có tính chất tiền lương tiền công phát sinh ngoài Việt Nam.
- [09] **Tổng số thuế đơn vị trả thu nhập đã khấu trừ trong kỳ. [09] = [10] + [11].**
- [10] **Tổng số thuế đã khấu trừ theo biểu lũy tiến từng phần:** Là tổng số thuế mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập đã khấu trừ từ tiền lương, tiền công của cá nhân theo thuế suất Biểu thuế lũy tiến từng phần. Chỉ tiêu này tổng hợp từ chứng từ khấu trừ thuế của tổ chức, cá nhân trả thu nhập.
- [11] **Tổng số thuế đã khấu trừ theo mức 10%:** Là tổng số thuế đã được khấu trừ theo thuế suất 10% trong kỳ. Chỉ tiêu này tổng hợp từ các chứng từ khấu trừ thuế của tổ chức, cá nhân trả thu nhập.
- [12] **Tổng số thuế đã tạm nộp tại Việt Nam:** Là số thuế cá nhân trực tiếp kê khai và đã tạm nộp tại Việt Nam. Chỉ tiêu này tổng hợp từ Chứng từ nộp thuế của cá nhân.
- [13] **Tổng số thuế đã nộp ngoài Việt Nam:** Là số thuế đã nộp tại nước ngoài theo chứng từ trả thu nhập ở nước ngoài, chứng từ chứng minh đã nộp thuế tại nước ngoài.

PHỤ LỤC
THU NHẬP TỪ KINH DOANH

(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu số 09/KK-TNCN năm)

[01] Tên người nộp thuế:.....

[02] Mã số thuế:

[03] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[04] Mã số thuế:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Stt	Chỉ tiêu	Số tiền
1	Doanh thu bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	[05]
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	[06]
3	Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ	[07]
4	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh	[08]
5	Doanh thu hoạt động tài chính	[09]
6	Chi phí tài chính	[10]
7	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động tài chính	[11]
8	Thu nhập khác	[12]
9	Chi phí khác	[13]
10	Thu nhập chịu thuế khác	[14]
11	Tổng thu nhập chịu thuế phát sinh trong kỳ	[15]
12	Thu nhập làm căn cứ tính giảm thuế	[16]
13	Tổng số thuế đã tạm nộp trong kỳ	[17]
14	Tổng số thuế đơn vị chi trả đã khấu trừ trong kỳ	[18]
15	Tổng thu nhập phát sinh ngoài Việt Nam	[19]
16	Tổng số thuế đã nộp ngoài Việt Nam	[20]

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:
Chứng chỉ hành nghề số:.....

Ngàythángnăm
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

HƯỚNG DẪN KHAI TỜ KHAI SỐ 09B/PL-TNCN

Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế, hướng dẫn thi hành Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 và Nghị định số 106/2010/NĐ-CP ngày 28/10/2010 của Chính phủ.

- [01] **Họ và tên cá nhân có thu nhập:** Ghi rõ ràng, đầy đủ tên của cá nhân theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Chứng minh nhân dân.
- [02] **Mã số thuế:** Ghi rõ ràng, đầy đủ mã số thuế của cá nhân theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế hoặc Thẻ mã số thuế do cơ quan thuế cấp.
- [03] **Tên đại lý thuế (nếu có):** Trường hợp cá nhân uỷ quyền khai quyết toán thuế cho Đại lý thuế thì phải ghi rõ ràng, đầy đủ tên của Đại lý thuế theo Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Đại lý thuế.
- [04] **Mã số thuế:** Ghi rõ ràng, đầy đủ mã số thuế của Đại lý thuế theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế hoặc thẻ mã số thuế do cơ quan thuế cấp.
- [05] **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế từ kinh doanh là toàn bộ tiền bán hàng hoá, tiền gia công, tiền hoa hồng, tiền cung ứng hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong kỳ tính thuế bao gồm cả khoản trợ giá, phụ thu, phụ trội mà cá nhân kinh doanh được hưởng không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.
Trường hợp cá nhân kinh doanh không hạch toán được doanh thu, xác định doanh thu theo số ấn định của cơ quan thuế thì chỉ tiêu này bỏ trống.
- [06] **Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm:**
- Chiết khấu thương mại
 - Giảm giá hàng bán
 - Giá trị hàng bán bị trả lại
 - Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp phải nộp
- [07] **Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ:** Là toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ phản ánh theo sổ sách kế toán. Trường hợp cá nhân kinh doanh không hạch toán được chi phí thì chỉ tiêu này bỏ trống.
- [08] **Thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh. [08] = [05] - [06] - [07].**
Chỉ tiêu này cho phép âm (-) và được bù trừ với chỉ tiêu [11], [14] khi tính chỉ tiêu [15] Tổng thu nhập chịu thuế phát sinh trong kỳ. Trường hợp cá nhân kinh doanh không hạch toán được chi phí, xác định thu nhập chịu thuế theo tỷ lệ ấn định của cơ quan thuế thì chỉ tiêu này khai theo số ấn định của cơ quan thuế.
- [09] **Doanh thu hoạt động tài chính:** là các khoản doanh thu từ hoạt động tài chính của cơ sở kinh doanh trong kỳ.

- [10] **Chi phí tài chính:** là các khoản chi phí tài chính liên quan trực tiếp đến việc tạo ra doanh thu hoạt động tài chính. Chi phí phải có hoá đơn, chứng từ theo quy định.
- [11] **Thu nhập từ hoạt động tài chính.** $[11] = [09] - [10]$. Chỉ tiêu này cho phép âm (-) và được bù trừ với chỉ tiêu [08], [14] khi tính chỉ tiêu [15] Tổng thu nhập chịu thuế phát sinh trong kỳ.
- [12] **Thu nhập khác:** là các khoản thu nhập khác không phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh (nếu có).
- [13] **Chi phí khác:** là các khoản chi phí khác liên quan trực tiếp tạo ra thu nhập khác (nếu có).
- [14] **Thu nhập chịu thuế khác.** $[14] = [12] - [13] +$ chỉ tiêu [37] Tờ khai 08B/KK-TNCN (thu nhập từ kinh doanh nhóm) + chỉ tiêu [10] Phụ lục 02/BK-XS (thu nhập từ đại lý xổ số) + chỉ tiêu [10] Phụ lục 02/BK-BH (thu nhập từ đại lý bảo hiểm). Chỉ tiêu này cho phép âm (-) và được bù trừ với chỉ tiêu [08], [11] khi tính chỉ tiêu [15] Tổng thu nhập chịu thuế phát sinh trong kỳ.
- [15] **Tổng thu nhập chịu thuế phát sinh trong kỳ.** $[15] = [08] + [11] + [14]$
- [16] **Thu nhập làm căn cứ tính giảm thuế:** Là tổng thu nhập chịu thuế mà cá nhân nhận được do làm việc trong khu kinh tế.
- [17] **Tổng số thuế đã tạm nộp trong kỳ:** Là tổng số thuế đã tạm nộp theo Chứng từ nộp thuế.
- [18] **Tổng số thuế đơn vị chi trả đã khấu trừ trong kỳ:** Là số tiền thuế mà tổ chức, cá nhân trả thu nhập đã khấu trừ trong kỳ theo chứng từ khấu trừ thuế.
- [19] **Tổng thu nhập phát sinh ngoài Việt Nam:** Là tổng các khoản thu nhập chịu thuế từ kinh doanh phát sinh ngoài Việt Nam. Lưu ý: chỉ ghi thu nhập \geq (dương). Trường hợp thu nhập tại Việt Nam < 0 thì không được bù trừ với thu nhập phát sinh ngoài Việt Nam.
- [20] **Tổng số thuế đã nộp ngoài Việt Nam:** Là số thuế đã nộp tại nước ngoài theo chứng từ trả thu nhập ở nước ngoài, chứng từ chứng minh đã nộp thuế tại nước ngoài.

PHỤ LỤC

GIẢM TRỪ GIA CẢNH CHO NGƯỜI PHỤ THUỘC

(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu số 09/KK-TNCN năm.....)

[01] Tên người nộp thuế:.....

[02] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--	--

[03] Họ và tên vợ (chồng) nếu có:

[04] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--	--

[05] Số CMND/ Số hộ chiếu vợ (chồng):.....

[06] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[07] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--	--

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Mã số thuế	Số CMND/ Hộ chiếu	Quan hệ với ĐTNT	Số tháng được tính giảm trừ trong năm	Thu nhập được giảm trừ
[08]	[09]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]
1							
2							
3							
4							
...							
Tổng cộng						[16]	[17]

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

**NHÂN VIÊN ĐẠI
LÝ THUẾ**

Họ và tên: ...

Chứng chỉ hành nghề
số:.....

Ngàythángnăm

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

HƯỚNG DẪN KHAI TỜ KHAI SỐ 09C/PL-TNCN

Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế, hướng dẫn thi hành Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 và Nghị định số 106/2010/NĐ-CP ngày 28/10/2010 của Chính phủ.

- [01] **Tên người nộp thuế:** Ghi rõ ràng, đầy đủ họ và tên của cá nhân theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Chứng minh nhân dân.
- [02] **Mã số thuế:** Ghi rõ ràng, đầy đủ mã số thuế của cá nhân theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế hoặc Thẻ mã số thuế do cơ quan thuế cấp.
- [03] **Họ và tên vợ (chồng) nếu có:** ghi rõ ràng, đầy đủ họ và tên của vợ (chồng) theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Chứng minh nhân dân.
- [04] **Mã số thuế:** Ghi rõ ràng, đầy đủ mã số thuế của vợ (chồng) theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế hoặc Thẻ mã số thuế do cơ quan thuế cấp.
- [05] **Số CMND/Số Hộ chiếu vợ (chồng):** Ghi rõ ràng, đầy đủ số CMND hoặc số Hộ chiếu của vợ (chồng).
- [06] **Tên đại lý thuế (nếu có):** Trường hợp cá nhân uỷ quyền khai quyết toán thuế cho Đại lý thuế thì phải ghi rõ ràng, đầy đủ tên của Đại lý thuế theo Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Đại lý thuế.
- [07] **Mã số thuế:** Ghi rõ ràng, đầy đủ mã số thuế của Đại lý thuế theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế hoặc thẻ mã số thuế do cơ quan thuế cấp.
- [08] **STT:** Ghi số thứ tự của người phụ thuộc từ nhỏ đến lớn.
- [09] **Họ và tên:** Ghi rõ ràng, đầy đủ họ và tên của người phụ thuộc.
- [10] **Ngày sinh:** Ghi rõ ràng, đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của người phụ thuộc.
- [11] **Mã số thuế:** Ghi rõ ràng, đầy đủ mã số thuế của người phụ thuộc theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế hoặc Thẻ mã số thuế do cơ quan thuế cấp. Trường hợp không có thì bỏ trống.
- [12] **Số CMND/Hộ chiếu:** Ghi rõ ràng, đầy đủ số CMND hoặc số Hộ chiếu của người phụ thuộc nếu chưa có mã số thuế.
- [13] **Quan hệ với ĐTNT:** Ghi mối quan hệ của người phụ thuộc với người nộp thuế.
- [14] **Số tháng được giảm trừ trong năm:** Số tháng thực tế được giảm trừ trong năm.

7	Thu nhập từ hoạt động tài chính	[27]	
8	Thu nhập khác	[28]	
9	Chi phí khác	[29]	
10	Thu nhập chịu thuế khác	[30]	
11	Tổng thu nhập chịu thuế phát sinh trong kỳ	[31]	
12	Tổng thu nhập làm căn cứ tính giảm thuế trong kỳ	[32]	

CHI TIẾT THU NHẬP VÀ SỐ THUẾ CỦA CÁ NHÂN TRONG NHÓM

Stt	Họ và tên	Mã số thuế	Tỷ lệ chia TNCT	TNCT tương ứng		Các khoản giảm trừ	Thu nhập tính thuế	Thuế TNCN	Thuế TNCN được giảm	Thuế TNCN đã tạm nộp
				Tổng số	Trong đó: thu nhập làm căn cứ tính giảm thuế					
[33]	[34]	[35]	[36]	[37]	[38]	[39]	[40]	[41]	[42]	[43]
1										
2										
.....										
Tổng cộng			[44]	[45]	[46]	[47]	[48]	[49]	[50]	[51]

Tôi cam đoan những nội dung kê khai là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

Ngàythángnăm

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

HƯỚNG DẪN KHAI TỜ KHAI SỐ 08B/KK-TNCN

Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế, hướng dẫn

thi hành Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 và Nghị định số 106/2010/NĐ-CP ngày 28/10/2010 của Chính phủ.

[01] **Kỳ tính thuế:** Ghi theo năm của kỳ thực hiện khai thuế.

[02] **Lần đầu:** Nếu khai quyết toán thuế lần đầu thì đánh dấu “x” vào ô vuông.

[03] **Bổ sung lần thứ:** Nếu khai sau lần đầu thì được xác định là khai bổ sung và đánh số lần khai bổ sung vào ô vuông.

- [04] **Tên người nộp thuế:** Ghi rõ ràng, đầy đủ tên của cá nhân đại diện nhóm kinh doanh theo Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký thuế.
- [05] **Mã số thuế:** Ghi rõ ràng, đầy đủ mã số thuế của cá nhân đại diện nhóm kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế hoặc Thẻ mã số thuế do cơ quan thuế cấp.
- [06], [07], [08] **Địa chỉ:** Ghi rõ ràng, đầy đủ địa chỉ trụ sở kinh doanh của nhóm kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- [09], [10], [11] **Điện thoại, fax, email:** Ghi rõ ràng, đầy đủ số điện thoại, số fax, địa chỉ email của cá nhân (nếu không có thì bỏ trống).
- [12] **Tên đại lý thuế (nếu có):** Trường hợp cá nhân uỷ quyền khai quyết toán thuế cho Đại lý thuế thì phải ghi rõ ràng, đầy đủ tên của Đại lý thuế theo Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Đại lý thuế.
- [13] **Mã số thuế:** Ghi rõ ràng, đầy đủ mã số thuế của Đại lý thuế theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế hoặc thẻ mã số thuế do cơ quan thuế cấp.
- [14], [15], [16]: **Địa chỉ:** Ghi rõ ràng, đầy đủ địa chỉ trụ sở của Đại lý thuế theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hoặc địa chỉ thường trú (đối với cá nhân) đã đăng ký với cơ quan thuế.
- [17], [18], [19]: **Điện thoại, fax, email:** Ghi rõ ràng, đầy đủ số điện thoại, số fax, địa chỉ email của Đại lý thuế (nếu không có thì bỏ trống).
- [20] **Hợp đồng đại lý thuế:** Ghi rõ ràng, đầy đủ số, ngày của Hợp đồng đại lý thuế giữa cá nhân với Đại lý thuế (hợp đồng đang thực hiện).
- [21] **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế từ kinh doanh là toàn bộ tiền bán hàng hoá, tiền gia công, tiền hoa hồng, tiền cung ứng hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong kỳ tính thuế bao gồm cả khoản trợ giá, phụ thu, phụ trội mà cá nhân kinh doanh được hưởng không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.
- [22] **Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm:**
- Chiết khấu thương mại;
 - Giảm giá hàng bán;
 - Giá trị hàng bán bị trả lại;
 - Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp phải nộp.
- [23] **Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ:** là toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ phản ánh theo sổ sách kế toán. Trường hợp cá nhân kinh doanh không hạch toán được chi phí thì chỉ tiêu này bỏ trống.

[24] Thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh: $[24] = [21] - [22] - [23]$.

Trường hợp nhóm kinh doanh chỉ hạch toán được doanh thu, không hạch toán được chi phí thì kê khai thu nhập chịu thuế theo tỷ lệ thu nhập chịu thuế ấn định vào chỉ tiêu này. Chỉ tiêu này cho phép âm (-) và được bù trừ với chỉ tiêu [27], [30] khi tính chỉ tiêu [31] Tổng thu nhập chịu thuế phát sinh trong kỳ.

[25] Doanh thu hoạt động tài chính: Là các khoản doanh thu từ hoạt động tài chính của cơ sở kinh doanh trong kỳ.

[26] Chi phí tài chính: Là các khoản chi phí tài chính có liên quan trực tiếp tạo ra doanh thu hoạt động tài chính có chứng từ, hoá đơn theo quy định.

[27] Thu nhập từ hoạt động tài chính: $[27] = [25] - [26]$. Chỉ tiêu này cho phép âm (-) và được bù trừ với chỉ tiêu [24], [30] khi tính chỉ tiêu [31] Tổng thu nhập chịu thuế phát sinh trong kỳ.

[28] Thu nhập khác: Là các khoản thu nhập khác không phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh (nếu có).

[29] Chi phí khác: Là các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp tạo ra thu nhập khác (nếu có).

[30] Thu nhập chịu thuế khác: $[30] = [28] - [29]$. Chỉ tiêu này cho phép âm (-) và được bù trừ với chỉ tiêu [24], [27] khi tính chỉ tiêu [31] Tổng thu nhập chịu thuế phát sinh trong kỳ.

[31] Tổng thu nhập chịu thuế phát sinh trong kỳ: Là tổng các khoản thu nhập chịu thuế mà nhóm cá nhân kinh doanh nhận được từ hoạt động kinh doanh, hoạt động tài chính và các khoản thu nhập chịu thuế khác. Bao gồm cả các khoản thu nhập mà nhóm cá nhân kinh doanh nhận được do làm việc trong khu kinh tế. $[31] = [24] + [27] + [30]$.

[32] Tổng thu nhập làm căn cứ tính giảm thuế trong kỳ: Là tổng thu nhập chịu thuế mà nhóm cá nhân kinh doanh nhận được do làm việc trong khu kinh tế.

[33] STT: Là số thứ tự từ nhỏ đến lớn của các cá nhân trong nhóm kinh doanh.

[34] Họ và tên: Ghi rõ ràng, đầy đủ họ và tên của từng cá nhân trong nhóm kinh doanh.

[35] Mã số thuế: Ghi rõ ràng, đầy đủ mã số thuế của từng cá nhân theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế hoặc thẻ mã số thuế do cơ quan thuế cấp.

[36] Tỷ lệ chia TNCT: Là tỷ lệ (%) phân chia thu nhập của các cá nhân trong nhóm kinh doanh theo quy định trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

[37] Tổng số: Là tổng TNCT tương ứng bao gồm cả thu nhập chịu thuế mà cá nhân nhận được do làm việc trong khu kinh tế. $[37] = [31] \times [36]$.

[38] TNCT làm căn cứ tính giảm thuế: Là thu nhập chịu thuế do làm việc trong khu kinh tế của từng cá nhân.

[39] Các khoản giảm trừ bao gồm:

- Giảm trừ cho bản thân 4.000.000 VNĐ/tháng
- Giảm trừ cho người phụ thuộc 1.600.000 VNĐ/người/tháng
- Giảm trừ cho từ thiện, nhân đạo, khuyến học
- Các khoản đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm trách nhiệm bắt buộc.

[40] Thu nhập tính thuế. $[40] = [37] - [39]$.

[41] Thuế TNCN: $[41] = [40] \times$ Thuế suất theo Biểu thuế lũy tiến từng phần

[42] Thuế TNCN được giảm: $[42] = [41] \times \{[38] / [37]\} \times 50\%$.

[43] Thuế TNCN đã tạm nộp: Là số thuế TNCN của từng cá nhân trong nhóm kinh doanh đã tạm nộp theo chứng từ nộp thuế.

[44] Tổng cộng tỷ lệ chia TNCN: 100%.

[45] Tổng cộng TNCT: Chỉ tiêu này bằng tổng cột chỉ tiêu [37].

[46] Tổng thu nhập chịu thuế làm căn cứ tính giảm thuế: Chỉ tiêu này bằng tổng cột chỉ tiêu [38].

[47] Tổng cộng các khoản giảm trừ: Chỉ tiêu này bằng tổng cột chỉ tiêu [39].

[48] Tổng cộng thu nhập tính thuế: Chỉ tiêu này bằng tổng cột chỉ tiêu [40].

[49] Tổng thuế TNCN: Chỉ tiêu này là tổng cột chỉ tiêu [41].

[50] Tổng thuế TNCN được giảm: Chỉ tiêu này là tổng cột chỉ tiêu [42].

[51] Tổng thuế TNCN đã tạm nộp: Chỉ tiêu này bằng tổng cột chỉ tiêu [43].

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: **13/KK-TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 28/2011/TT-BTC ngày
28/02/2011 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN
(Dành cho cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán)

[01] Kỳ tính thuế: Năm

[02] Lần đầu: ☐

[03] Bổ sung lần thứ: ☐

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế:

[06] Địa chỉ:

[07] Quận/huyện: [08] Tỉnh/thành phố:

[09] Điện thoại:.....[10] Fax:.....[11] Email:

[12] Số tài khoản (chứng khoán):..... Mở tại:.....

Số tài khoản (ngân hàng):..... Mở tại:.....

[13] Tên đại lý thuế:.....

[14] Mã số thuế:

[15] Địa chỉ:

[16] Quận/huyện: [17] Tỉnh/thành phố:

[18] Điện thoại: [19] Fax: [20] Email:

[21] Hợp đồng đại lý thuế:.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Stt	Chỉ tiêu	Số tiền
A	XÁC ĐỊNH THU NHẬP TÍNH THUẾ	
1	Tổng giá trị chứng khoán bán ra	[22]
2	Tổng giá trị chứng khoán mua vào	[23]
3	Các chi phí liên quan	[24]
4	Thu nhập chịu thuế	[25]
B	XÁC ĐỊNH SỐ THUẾ PHẢI NỘP CẢ NĂM	
1	Số thuế phải nộp trong kỳ	[26]
2	Số thuế đã khấu trừ theo thuế suất 0,1% trong kỳ	[27]
3	Số thuế còn phải nộp	[28]
4	Số thuế nộp thừa: Trong đó:	[29]

a	Số thuế đề nghị hoàn	[30]	
b	Số thuế bù trừ vào kỳ sau	[31]	

Tôi cam đoan những nội dung kê khai là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:
Chứng chỉ hành nghề số:.....

Ngàythángnăm
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

HƯỚNG DẪN KHAI TỜ KHAI SỐ 13/KK-TNCN
Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế, hướng dẫn thi hành Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 và Nghị định số 106/2010/NĐ-CP ngày 28/10/2010 của Chính phủ.

- [01] **Kỳ tính thuế:** Ghi theo năm của kỳ thực hiện khai thuế.
- [02] **Lần đầu:** Nếu khai quyết toán thuế lần đầu thì đánh dấu “x” vào ô vuông.
- [03] **Bổ sung lần thứ:** Nếu khai sau lần đầu thì được xác định là khai bổ sung và đánh số lần khai bổ sung vào ô vuông.
- [04] **Tên người nộp thuế:** Ghi rõ ràng, đầy đủ tên của cá nhân theo Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký thuế.
- [05] **Mã số thuế:** Ghi rõ ràng, đầy đủ mã số thuế của cá nhân theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế hoặc Thẻ mã số thuế do cơ quan thuế cấp.
- [06], [07], [08] **Địa chỉ:** Ghi rõ ràng, đầy đủ địa chỉ cư trú của cá nhân đã đăng ký với cơ quan thuế.
- [09], [10], [11] **Điện thoại, fax, email:** Ghi rõ ràng, đầy đủ số điện thoại, số fax, địa chỉ email của cá nhân (nếu không có thì bỏ trống).
- [12] **Số tài khoản (chứng khoán); Số tài khoản (ngân hàng):** Ghi rõ ràng, đầy đủ số tài khoản chứng khoán, số tài khoản ngân hàng và nơi mở tài khoản.
- [13] **Tên đại lý thuế (nếu có):** Trường hợp cá nhân uỷ quyền khai quyết toán thuế cho Đại lý thuế thì phải ghi rõ ràng, đầy đủ tên của Đại lý thuế theo Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Đại lý thuế.

- [14] **Mã số thuế:** Ghi rõ ràng, đầy đủ mã số thuế của Đại lý thuế theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế hoặc thẻ mã số thuế do cơ quan thuế cấp.
- [15], [16], [17]: **Địa chỉ:** Ghi rõ ràng, đầy đủ địa chỉ trụ sở của Đại lý thuế theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hoặc địa chỉ thường trú (đối với cá nhân) đã đăng ký với cơ quan thuế.
- [18], [19], [20]: **Điện thoại, fax, email:** Ghi rõ ràng, đầy đủ số điện thoại, số fax, địa chỉ email của Đại lý thuế (nếu không có thì bỏ trống).
- [21] **Hợp đồng đại lý thuế:** Ghi rõ ràng, đầy đủ số, ngày của Hợp đồng đại lý thuế giữa cá nhân với Đại lý thuế (hợp đồng đang thực hiện).
- [22] **Tổng giá trị chứng khoán bán ra:** Là tổng giá trị của các giao dịch chứng khoán bán ra đã bị khấu trừ thuế trong kỳ. Chỉ tiêu này bằng chỉ tiêu [14] Phụ lục 13/BK-TNCN.
- [23] **Tổng giá trị chứng khoán mua vào:** Là tổng giá trị của các giao dịch chứng khoán mua vào trong kỳ. Chỉ tiêu này bằng chỉ tiêu [15] Phụ lục 13/BK-TNCN.
- [24] **Các chi phí liên quan:** Là các khoản chi phí thực tế phát sinh của hoạt động chuyển nhượng chứng khoán có hoá đơn, chứng từ theo quy định. Chỉ tiêu này bằng chỉ tiêu [16] Phụ lục 13/BK-TNCN.
- [25] **Thu nhập chịu thuế:** $[25] = [22] - [23] - [24] =$ chỉ tiêu [17] Phụ lục 13/BK-TNCN.
- [26] **Số thuế phải nộp trong kỳ:** $[26] = [25] \times 20\%$.
- [27] **Số thuế đã khấu trừ theo thuế suất 0,1 % trong kỳ:** Chỉ tiêu này bằng chỉ tiêu [18] Phụ lục 13/BK-TNCN.
- [28] **Số thuế còn phải nộp:** $[28] = [26] - [27] > 0$.
- [29] **Số thuế nộp thừa:** $[29] = [26] - [27] < 0$.
- [30] **Số thuế đề nghị hoàn:** cá nhân có số thuế nộp thừa có đề nghị hoàn thì ghi vào chỉ tiêu này.
- [31] **Số thuế bù trừ vào kỳ sau:** cá nhân có số thuế nộp thừa có đề nghị bù trừ vào kỳ sau thì ghi vào chỉ tiêu này.

PHỤ LỤC
BẢNG KÊ CHI TIẾT
CHỨNG KHOÁN ĐÃ CHUYỂN NHƯỢNG TRONG NĂM

(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu số 13/KK-TNCN năm.....)

[01] Tên người nộp thuế:.....

[02] Mã số thuế:

[03] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[04] Mã số thuế:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Stt	Mã chứng khoán	Giá bán	Giá mua	Chi phí	Thu nhập chịu thuế	Chứng từ		
						Số thuế đã khấu trừ	Số chứng từ	Ngày chứng từ
[05]	[06]	[07]	[08]	[09]	[10]	[11]	[12]	[13]
1								
2								
....								
Tổng cộng		[14]	[15]	[16]	[17]	[18]		

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

Ngàythángnăm

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

HƯỚNG DẪN KHAI TỜ KHAI SỐ 13/BK-TNCN

Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế, hướng dẫn thi hành Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 và Nghị định số 106/2010/NĐ-CP ngày 28/10/2010 của Chính phủ.

[01] **Tên người nộp thuế:** Ghi rõ ràng, đầy đủ tên của cá nhân theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Chứng minh nhân dân.

- [02] **Mã số thuế:** Ghi rõ ràng, đầy đủ mã số thuế của cá nhân theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế hoặc Thẻ mã số thuế do cơ quan thuế cấp.
- [03] **Tên đại lý thuế (nếu có):** Trường hợp cá nhân uỷ quyền khai quyết toán thuế cho Đại lý thuế thì phải ghi rõ ràng, đầy đủ tên của Đại lý thuế theo Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Đại lý thuế.
- [04] **Mã số thuế:** Ghi rõ ràng, đầy đủ mã số thuế của Đại lý thuế theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế hoặc thẻ mã số thuế do cơ quan thuế cấp.
- [05] **Stt:** Là số thứ tự từ nhỏ đến lớn của các mã chứng khoán đã chuyển nhượng trong kỳ.
- [06] **Mã chứng khoán:** Là mã của từng loại chứng khoán mà cá nhân đã chuyển nhượng trong kỳ.
- [07] **Giá bán:** Là tổng giá bán thực tế của từng loại chứng khoán đã chuyển nhượng trong năm.
- [08] **Giá mua:** Là tổng giá mua bình quân của mỗi loại chứng khoán bán ra tương ứng (đã bao gồm chi phí mua tương ứng) và được xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Tổng giá mua bình} \\ \text{quân của mỗi loại} \\ \text{CK bán ra} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế CK tồn đầu kỳ tính thuế} \\ \text{(bao gồm chi phí mua tương ứng)} + \text{Trị} \\ \text{giá thực tế CK mua trong kỳ tính thuế} \\ \text{(bao gồm chi phí mua tương ứng)} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số lượng CK tồn đầu kỳ tính thuế} + \\ \text{Số lượng CK mua trong kỳ tính thuế} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Số lượng} \\ \text{chứng khoán} \\ \text{bán ra} \end{array}$$

- [09] **Chi phí:** Là các khoản phí và lệ phí thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động bán chứng khoán có hoá đơn, chứng từ theo quy định.
- [10] **Thu nhập chịu thuế:** Là thu nhập chịu thuế từ chuyển nhượng chứng khoán = [07] - [08] - [09]
- [11] **Số thuế đã khấu trừ:** Là số thuế TNCN mà công ty chứng khoán đã khấu trừ trước khi trả thu nhập cho cá nhân theo chứng từ khấu trừ thuế.
- [12] **Số chứng từ:** Là số chứng từ ghi trên chứng từ khấu trừ thuế
- [13] **Ngày chứng từ:** Là ngày ghi trên chứng từ khấu trừ thuế
- [14] **Tổng cộng giá bán:** Là tổng cột chỉ tiêu [07].
- [15] **Tổng cộng giá mua:** Là tổng cột chỉ tiêu [08].
- [16] **Tổng cộng chi phí:** Là tổng cột chỉ tiêu [09].
- [17] **Tổng cộng thu nhập chịu thuế:** Là tổng cộng cột chỉ tiêu [10].
- [18] **Tổng cộng số thuế đã khấu trừ:** Là tổng cộng cột chỉ tiêu [11].

PHỤ LỤC
BẢNG KÊ CHI TIẾT GIÁ TRỊ CHUYỂN NHƯỢNG
THU NHẬP CÁ NHÂN ĐÃ KHẤU TRỪ ĐỐI VỚI THU NHẬP
TỪ CHUYỂN NHƯỢNG CHỨNG KHOÁN

(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu số 06/KK-TNCN)

[01] Kỳ tính thuế: Năm.....

[02] Tên người nộp thuế:

[03] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[04] Tên đại lý thuế (nếu
có):

[05] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Stt	Họ và tên	Mã số thuế	Số CMND/ Hộ chiếu	Tổng giá trị chuyển nhượng trong kỳ	Thuế TNCN đã khấu trừ
[06]	[07]	[08]	[09]	[10]	[11]
1					
2					
3					
...					
Tổng cộng				[12]	[13]

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:
Chứng chỉ hành nghề số:

Ngàythángnăm
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

HƯỚNG DẪN KHAI TỜ KHAI SỐ 06/BK-TNCN

Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế, hướng dẫn thi hành Nghị định số 85/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 và Nghị định số 106/2010/NĐ-CP ngày 28/10/2010 của Chính phủ.

- [01] **Kỳ tính thuế:** Ghi theo năm của kỳ thực hiện khai thuế.
- [02] **Tên người nộp thuế:** Ghi rõ ràng, đầy đủ tên của tổ chức, cá nhân trả thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.
- [03] **Mã số thuế:** Ghi rõ ràng, đầy đủ mã số thuế của tổ chức, cá nhân trả thu nhập theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế hoặc Thẻ mã số thuế do cơ quan thuế cấp.
- [04] **Tên đại lý thuế (nếu có):** Trường hợp tổ chức, cá nhân trả thu nhập uỷ quyền khai quyết toán thuế cho Đại lý thuế thì phải ghi rõ ràng, đầy đủ tên của Đại lý thuế theo Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Đại lý thuế.
- [05] **Mã số thuế:** Ghi rõ ràng, đầy đủ mã số thuế của Đại lý thuế theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế hoặc thẻ mã số thuế do cơ quan thuế cấp.
- [06] **STT:** Ghi rõ số thứ tự từ nhỏ đến lớn của cá nhân chuyển nhượng chứng khoán.
- [07] **Họ và tên:** ghi rõ ràng, đầy đủ họ và tên của từng cá nhân chuyển nhượng chứng khoán.
- [08] **Mã số thuế:** ghi rõ ràng, đầy đủ mã số thuế của cá nhân chuyển nhượng chứng khoán theo Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế hoặc thẻ mã số thuế do cơ quan thuế cấp.
- [09] **Số CMND/Hộ chiếu:** ghi rõ ràng, đầy đủ số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu đối với cá nhân chưa có mã số thuế.
- [10] **Tổng giá trị chuyển nhượng trong kỳ:** là tổng giá trị chứng khoán chuyển nhượng của từng cá nhân trong kỳ.
- [11] **Thuế TNCN đã khấu trừ:** là số thuế thu nhập cá nhân mà tổ chức trả thu nhập đã khấu trừ của cá nhân chuyển nhượng chứng khoán trong kỳ.
- [12] **Tổng cộng tổng giá trị chuyển nhượng trong kỳ:** Chỉ tiêu này là tổng cột chỉ tiêu [10].
- [13] **Tổng cộng thuế TNCN đã khấu trừ:** Chỉ tiêu này là tổng cột chỉ tiêu [11].